

<b>Ngày soạn</b>					
<b>Cho các lớp</b>	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
<b>Ngày dạy</b>					

### **BÀI 3: NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN (Tiết 23- tiết32)**

**Thời gian thực hiện: 11tiết**

#### **I. MỤC TIÊU CHUNG:**

Giúp HS:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.

- Xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận; dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

- Biết nhận ra và khắc phục những lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.

- Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau.

- Có thái độ quý trọng hiền tài, biết đồng cảm với người khác và sống có trách nhiệm.

#### **II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

##### **1. Tri thức ngữ văn**

##### **2. Phương tiện dạy học Học liệu**

- Máy tính, máy chiếu, bảng, SGK, SGV

- Giấy A4.

#### **NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

Đọc	Tri thức ngữ văn <ul style="list-style-type: none"> <li>● Hiền tài là nguyên khí của quốc gia (Trích -Thân Nhân Trung)</li> <li>● Yêu và đồng cảm (Trích – Phong Tử Khải)</li> <li>● Chữ bầu lên nhà thơ (Trích – Lê Đạt)</li> </ul>
Kiểm tra giữa kì	
Thực hành tiếng Việt	Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản: Dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa
Viết	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm
Nói và nghe	Thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau
Thực hành đọc	Thế giới mạng & tôi (Trích – Nguyễn Thị Hậu)
Ôn tập	

## ĐOC

### TRI THỨC NGŨ VĂN

**a. Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản về văn bản nghị luận.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về văn bản nghị luận ( khái niệm, đề tài, phân loại...)

**c. Sản phẩm:** Kết quả trình bày của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

<i>Hoạt động của GV - HS</i>	<i>Dự kiến sản phẩm</i>
<p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Văn bản nghị luận là gì? Văn bản nghị luận có mấy loại?</li><li>- Giữa luận đề và các yếu tố khác của văn bản nghị luận (luận điểm, lí lẽ, bằng chứng) có mối quan hệ với nhau như thế nào?</li><li>- Khi viết một văn bản nghị luận, người ta có thể xây dựng được hệ thống luận điểm mà không cần phải xác định luận đề hay không?</li><li>- Bạn hiểu như thế nào về sự đa dạng của văn bản nghị luận xét từ phương diện cách viết? Nếu có thể, hãy nêu một vài ví dụ cụ thể về sự đa dạng ấy.</li><li>- Hãy nêu những hiểu biết của em về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản?</li></ul> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi.</li></ul> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS trả lời câu hỏi của GV.</li></ul> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV nhận xét đánh giá câu trả lời của học sinh, chuẩn hóa kiến thức</li></ul>	<p><b>1. Văn bản nghị luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Văn bản nghị luận là loại văn bản là loại thực hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ.</li><li>- Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, đạo đức, xã hội...</li><li>- Phân loại: nghị luận chính trị – xã hội (chính luận), nghị luận văn học, nghị luận khoa học, nghị luận văn hoá, tư tưởng, đạo lí, kinh tế, pháp luật,...</li></ul> <p><b>2. Các yếu tố chính của văn bản nghị luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Luận đề được hiểu là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, quan niệm,... được đưa ra để trình bày và thuyết phục. Theo đó, luận đề không thuần túy là tình huống, sự kiện khách quan mà là tình huống, sự kiện khách quan đã được chủ thể nhận thức và đánh giá. Vì vậy, khi nói đến luận đề, tất yếu phải nói đến quan điểm của người viết nghị luận.</li><li>- Luận điểm là một ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả. Nhờ hệ thống luận nội dung của luận đề được triển khai đầy đặn và sáng tỏ. Luận điểm là điều kiện tồn tại của luận đề. Luận điểm cũng cần được minh giải bằng một loạt lí lẽ và bằng chứng.</li><li>- Trong lí lẽ chứa đựng sự giải thích cho luận điểm, giúp luận điểm đứng vững. Còn bằng chứng là những căn cứ thực tiễn xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ. Cả lí lẽ và bằng chứng có khi được gọi gộp trong thuật ngữ luận cứ, theo đó, lí lẽ chính là luận cứ lí lẽ, tồn tại song song với bằng chứng là luận cứ thực tiễn.</li></ul> <p><b>3. Bài nghị luận xã hội</b></p>

– Văn bản nghị luận có nội dung bàn về một vấn đề xã hội là loại văn bản phổ biến nhất của văn nghị luận. Hiện nay, người ta thường dùng thuật ngữ “nghị luận xã hội” để định danh loại văn bản này, đặt trong tương quan đối lập – so sánh với một loại văn bản khác được gọi là “nghị luận văn học”.

– Trong các văn bản “nghị luận xã hội”, vấn đề xã hội được bàn vô cùng phong phú, từ những vấn đề trọng yếu của nhân loại, quốc gia, dân tộc đến những vấn đề của sinh hoạt đời thường.

- Người ta thường chia “nghị luận xã hội” thành hai bộ phận: nghị luận (bàn về) một tư tưởng, đạo lí và nghị luận (bàn về) một hiện tượng xã hội.

– Ở văn bản nghị luận xã hội, việc bày tỏ quan điểm nhìn nhận, đánh giá của người viết có tầm quan trọng hàng đầu.

Độc giả tìm đọc văn bản trước hết là để được lắng nghe ý kiến của tác giả về vấn đề họ quan tâm. Nếu trong văn bản, ý kiến được nêu ra không rõ ràng, sắc nét, độc đáo thì văn bản ít có giá trị và lúc đó, không có sự phô diễn “văn chương” nào có thể giúp “nâng cấp” được.

#### **4. Mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản**

– Nói đến mạch lạc là nói đến sự thống nhất ở bề sâu giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong văn bản (các câu xoay quanh tiểu chủ đề còn các đoạn thì cùng hướng tới chủ đề chung). Nói đến liên kết là nói đến sự thống nhất có thể nhận ra được trên bề mặt ngôn từ giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong văn bản nhờ sự hiện diện của những phương tiện, hình thức kết nối.

- Trong một đoạn văn, văn bản, mạch lạc luôn cần thiết nhưng liên kết có thể vắng mặt. Nếu mạch lạc và liên kết cùng tồn tại trong một đoạn văn, văn bản, thì khi đó, giữa chúng có mối quan hệ chi phối, ràng buộc lẫn nhau, hỗ trợ cho nhau. Không gắn với mạch lạc, liên kết sẽ chỉ tồn tại như một hình thức vô nghĩa.

	<p>Ngược lại, không có liên kết, mạch lạc khó được nhận biết một cách đầy đủ, khiến nội dung đoạn văn, văn bản có thể bị (hay được) giải thích một cách rất khác nhau, thậm chí ngược nhau.</p>
--	---

<b>Ngày soạn</b>					
<b>Cho các lớp</b>	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
<b>Ngày dạy</b>					

## **TUẦN 8; Tiết 23-24**

### **ĐỌC VĂN BẢN 1.** **HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA** **(Trích – Thân Nhân Trung)** **(2 tiết)**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Kiến thức**

- HS nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam.
- HS phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa, giá trị của văn bản.
- HS có thái độ ứng xử đúng đắn với những bậc hiền tài, biết bày tỏ quan điểm riêng về các chính sách trọng dụng nhân tài mà mình được biết.

##### **2. Năng lực**

###### **2.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:
  - + Biết trình bày sản phẩm hoạt động trước tập thể
  - + Biết diễn đạt những ý kiến của bản thân về bài học.
- Năng lực tự chủ, tự học: Tự giác, độc lập suy nghĩ tìm hiểu vấn đề bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề

###### **2.2. Năng lực chuyên biệt (ngữ văn):**

- Năng lực ngôn ngữ:
  - + Học sinh sử dụng ngôn ngữ văn học để cảm thụ tác phẩm.
  - + Học sinh sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt để diễn đạt mạch lạc.
- Năng lực văn học:
  - + Học sinh có khả năng tưởng tượng và liên tưởng, cảm nhận được cái hay về nghệ thuật và nội dung tác phẩm.

##### **3. Phẩm chất**

- Hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc trọng dụng nhân tài đối với sự phát triển của quốc gia.
- Nâng cao ý thức rèn luyện, học tập, đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

#### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

##### **1. Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu, bảng
- Giấy A4.

##### **2. Học liệu**

- Sách giáo khoa.
- Phiếu học tập.

#### **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

## 1. Ổn định tổ chức

2. **Kiểm tra bài cũ:** Tiến hành kiểm tra lòng ghép khi dạy nội dung bài học.

## 3. Bài mới

### 3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

#### a. Mục tiêu

- Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về văn bản nghị luận.

b. **Nội dung hoạt động:** HS xem video, trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

#### d. Tổ chức thực hiện

? Em nghĩ gì khi nhìn thấy những hàng bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)?

? Em đã nghe câu “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” ở đâu, trong hoàn cảnh nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: Huy động tri thức, giải quyết vấn đề

B3: Báo cáo thảo luận

HS trả lời cá nhân.

B4: Kết luận, nhận định

GV: nhận xét câu trả lời của HS.

GV: Dẫn vào bài:

*- Văn Miếu Quốc Tử Giám được xây dựng tháng 10 năm 1070, thờ Khổng Tử, các bậc Hiền triết của Nho giáo và Tư nghiệp Quốc Tử Giám Chu Văn An, người thầy tiêu biểu đạo cao, đức trọng của nền giáo dục Việt Nam. Năm 1076, nhà Quốc Tử Giám được xây kế sau Văn Miếu, ban đầu là nơi học của các hoàng tử, sau mở rộng thu nhận cả các học trò giỏi trong thiên hạ.*

*Trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội, từ thế kỉ X (triều Lí) đã có dựng những hàng bia đá (đặt trên lưng rùa đá) ghi họ tên, năm thi đỗ của các tiến sĩ Đại Việt. Đó là một việc làm độc đáo, đầy ý nghĩa của các vương triều phong kiến Việt Nam. Đoạn trích “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” trích từ một trong những văn bia đó.*

### 3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### HOẠT ĐỘNG 1. TÌM HIỂU CHUNG

##### a. Mục tiêu:

- HS nắm được hoàn cảnh những nét khái quát về tác giả, hoàn cảnh ra đời của văn bản, xuất xứ đoạn trích

##### b. Nội dung hoạt động:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

##### c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS.

##### d. Tổ chức hoạt động

<b>Hoạt động của GV - HS</b>	<b>Dự kiến sản phẩm</b>
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> - Em hãy trình bày vài nét cơ bản về tác giả Thân Nhân Trung? - Nêu hoàn cảnh ra đời của văn bản?	<b>I. TÌM HIỂU CHUNG</b> <b>1. Tác giả</b> - Thân Nhân Trung (1418 - 1499), người tỉnh Bắc Giang.

<p>- Chỉ ra xuất xứ của đoạn trích</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>- Học sinh làm việc cá nhân.</p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</i></p> <p>- HS trả lời câu hỏi của GV.</p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>- GV nhận xét đánh giá câu trả lời của học sinh, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>- Ông đồ Tiến sĩ năm 1469, là người nổi tiếng văn chương trong hội Tao đàn thời Hậu Lê, được Lê Thánh Tông tin dùng.</p> <p><b>2. Hoàn cảnh ra đời của văn bản</b></p> <p>- Năm 1484, Thân Nhân Trung vâng mệnh vua Lê Thánh Tông đã soạn <i>Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo thứ ba (Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ đề danh kí)</i> để khắc lên bia đặt trong văn Miếu, khởi đầu cho việc dựng bia ghi danh tiến sĩ sẽ thành truyền thống về sau.</p> <p><b>3. Xuất xứ đoạn trích</b></p> <p>- Hiền tài là nguyên khí của quốc gia là một đoạn trích trong bài văn bia nói trên. Trước đoạn này, tác giả nêu chủ trương bồi dưỡng, trọng dụng hiền tài của các triều vua Lê. Sau là danh sách 33 vị đồ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442)</p>
---	--

## HOẠT ĐỘNG 2: TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN (ĐỌC VÀ CẢM NHẬN CHUNG)

### a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc, tìm hiểu từ khó và có những cảm nhận ban đầu về đoạn trích

### b. Nội dung hoạt động:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

### c. Sản phẩm:

- Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

### d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

<i>Hoạt động của GV - HS</i>	<i>Dự kiến sản phẩm</i>
<p><b>HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP</b></p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p><b>(1) GV hướng dẫn cách đọc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc với giọng điệu khoan thai, trang trọng, có thể nhấn giọng ở những câu hoặc cụm từ cuối mỗi đoạn vì ở đó, sắc thái biểu cảm của văn bản thường được bộc lộ rõ nét.</li> <li>- GV đọc mẫu một đoạn.</li> <li>- GV gọi 1-2 HS đọc văn bản</li> <li>- HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.</li> </ul> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>+ HS đọc VB.</p>	<p><b>II. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN</b></p> <p><b>1. Đọc và tìm hiểu chú thích</b></p> <p>a. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định giọng đọc: khoan thai, trang trọng, nhấn giọng ở những câu hoặc cụm từ cuối mỗi đoạn.</li> </ul>

+ GV quan sát, khích lệ HS.

*Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

+ HS đọc bài

+ HS khác nhận xét phân đọc của bạn

*Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*

- GV nhận xét cách đọc của HS.

- GV hướng dẫn HS chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản.

## (2) GV hướng dẫn HS cảm nhận chung về đoạn trích

*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học*

*tập GV : Giao nhiệm vụ*

- Đoạn trích được viết theo thể loại gì?

- Xác định bố cục của đoạn trích?

- Nhan đề của đoạn trích là do ai đặt? *Nhan đề đó gợi cho em suy nghĩ gì?*

- Chỉ ra luận đề và luận điểm của văn bản ?

### THẢO LUẬN CẬP ĐÔI

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

+ Tổ chức cho HS thảo luận.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

*Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

+ HS trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

*Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*

GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức kỹ năng.

b. Tìm hiểu chú thích

## 2. Cảm nhận chung

### a. Thể loại: Văn bia

- Văn bia là loại văn khắc trên bia đá, gồm nhiều thể loại khác nhau, rất phổ biến ở thời trung đại, thường ghi chép những sự kiện quan trọng hoặc tên tuổi, sự nghiệp của những người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế.

- Bài văn bia là những áng văn nghị luận độc đáo, giàu hình tượng, chứa đựng giá trị tư tưởng, nhân văn sâu sắc.

### b. Bố cục: 5 phần (SGK đã đánh số)

### c. Nhan đề

*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*

- Hiền tài: người tài giỏi, có phẩm chất cao quý nổi bật, là thành phần ưu tú của xã hội.

- Nguyên khí: chất làm nên cơ sở tồn tại và phát triển của một hiện tượng sống cụ thể/đất nước, xã hội.

- Quốc gia: đất nước (thiên nhiên, con người

→ **Người tài giỏi, có phẩm chất cao** quý là cơ sở tồn tại và phát triển của một đất nước.

⇒ **Nhan đề khẳng định vai trò của hiền tài đối với đất nước.**

### d. Luận đề, luận điểm của văn bản 1

- Luận đề: *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*

- Luận điểm:

+ Vai trò của hiền tài đối với vận mệnh quốc gia và chính sách khuyến khích người hiền tài.

+ Trách nhiệm của hiền tài đối với đất nước.



**Hoạt động 3: Suy ngẫm và phản hồi (Đọc hiểu văn bản)**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết những đoạn văn chứa luận điểm, phân tích được ý nghĩa các từ ngữ quan trọng, rút ra ý nghĩa của câu văn, làm rõ luận điểm

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm theo bàn.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

(Sử dụng phiếu học tập)

**PHIẾU HỌC TẬP : Tìm hiểu luận điểm 1 trong bài viết Tách**

**các câu văn trong đoạn trích phân tích theo hướng sau:**

Đoạn/câu	Phân tích nghĩa của các từ ngữ quan trọng	Rút ra ý nghĩa của câu văn	Nhận xét về hiệu quả diễn đạt của câu văn
<b>Đoạn 1</b>	<b>Đoạn 1</b>	<b>Đoạn 1</b>	<b>Đoạn 1</b>
Câu 1.....	.....	.....	.....
Câu 2.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

<b>Hoạt động của GV - HS</b>	<b>Dự kiến sản phẩm</b>
<p><b>(3) GV hướng dẫn HS tìm hiểu về đoạn trích số 2+3</b></p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> GV : Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách đặt vấn đề của tác giả như thế nào?</li> <li>- Hãy nhận xét cách lập luận, cách dùng từ ngữ, giọng điệu và nét riêng trong lối viết của tác giả?</li> </ul> <p><b>THẢO LUẬN THEO BÀN:</b></p> <p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc thầm văn bản</li> <li>+ Thảo luận nhóm bàn- thời gian 5 phút:</li> </ul> <p><b>Hoàn thành phiếu HT</b></p> <p><i>Tìm hiểu luận điểm 1 trong bài viết.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoạn/ câu</li> <li>- Phân tích nghĩa các từ ngữ quan trọng</li> <li>- Rút ra ý nghĩa của câu văn</li> <li>- Nhận xét về hiệu quả diễn đạt của câu văn</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+Tổ chức cho HS thảo luận.</li> </ul>	<p><b>1. Luận điểm 1: (Đoạn văn số 2 + 3)</b></p> <p>a. Đoạn văn 2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu mở đoạn: “<i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp</i>”</li> <li>=&gt; Câu văn chứa đựng luận đề của văn bản: “<i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i>”. Luận đề được khẳng định và làm rõ hơn bằng lí lẽ: <i>nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp.</i></li> <li>- Câu văn: <i>Vì vậy các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên đã mở ra mạch ý lớn thứ hai trong luận điểm 1 là: sự trọng đãi người tài của các triều đại. Khi xem hiền tài là nguyên khí của quốc gia, các đấng thánh đế minh vương ai cũng lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ là việc làm đầu tiên để vun trồng nguyên khí quốc gia.</i></li> </ul>

Các nhóm tổng hợp lại ý kiến  
+ GV quan sát, khích lệ HS.  
**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  
+ Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  
+ HS nhận xét lẫn nhau.  
**Bước 4: Kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, sửa lỗi sai, chốt kiến thức vào bảng tổng hợp chung

**4) GV hướng dẫn HS tìm hiểu về đoạn trích số 4+5**

*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV : Giao nhiệm vụ*  
- Cách đặt vấn đề của tác giả như thế nào?

- Các câu văn tiếp theo: *Kẻ sĩ quan hệ với quốc gia trọng đại như thế, cho nên quý chuộng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng. Đã yêu mến cho khoa danh, lại đề cao bằng tước trật. Ban ân rất lớn mà vẫn cho là chưa đủ. Lại nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ.*

*Triều đình mừng được người tài, không có việc gì không làm đến mức cao nhất biểu hiện thái độ trọng dụng hiền tài của các thánh đế, minh vương: quý chuộng, yêu mến, đề cao, ban ân rất lớn, nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ. Các câu văn được kết nối bằng nghệ thuật liệt kê tăng tiến, thể hiện sự trọng đãi người hiền tài hết mực của các đấng thánh đế minh vương.*

**b. Đoạn văn 3**

*Nay thánh minh lại cho rằng, chuyên hay việc tốt tuy có một thời lừng lẫy, nhưng lời khen tiếng thơm chưa đủ lưu vẻ sáng lâu dài, cho nên lại dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan, khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua. Há chỉ là chuộng văn suông, ham tiếng hã mà thôi đâu.*

=> Đoạn 3 có mối quan hệ chặt chẽ với đoạn 2, các câu văn trong đoạn 3 bổ sung thêm nội dung chi tiết cho ý lớn: sự trọng đãi của triều đình đối với bậc hiền tài, đã được triển khai trong đoạn văn số 3. Những dẫn chứng được nêu thêm như: vua cho xây dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan. Đây là sự bổ sung cần thiết vì nó giúp chuyển mạch lập luận từ chỗ bàn về nguyên lí chung đến những việc cụ thể như dựng bia.

**\*Tiểu kết:**

Các lí lẽ, dẫn chứng, lập luận khéo léo đã làm rõ vấn đề vinh danh người hiền tài, khẳng định vai trò to lớn của họ trong xây dựng và phát triển đất nước.

**2. Luận điểm 2 (Đoạn văn số 4 + 5) a. Đoạn văn 4**

*Ôi kẻ sĩ chốn trường ốc lều tranh, phận thật nhỏ mọn mà được triều đình đề cao rất mực như thế, thì họ phải làm thế*

- Hãy nhận xét cách lập luận, cách dùng từ ngữ, giọng điệu và nét riêng trong lối viết của tác giả?

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

+ Tổ chức cho HS nghiên cứu.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

*Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

+ HS trao đổi, trình bày nội dung đã nghiên cứu.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

*Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*

GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức kĩ năng.

*nào để tự trọng tâm thân mà ra sức báo đáp?*

Đoạn văn được kết cấu là một câu hỏi tu từ, giống như một lời tự vấn của kẻ sĩ trước sự tôn vinh và kì vọng của triều đình, của nhân dân. Hoặc có thể, câu hỏi là một lời khích lệ, động viên người hiền tài tiếp tục ra sức báo đáp. Trong mạch lập luận của toàn bài, đoạn 4 có vai trò chuyển mạch lập luận để đi vào nội dung đoạn 5 tự nhiên.

b. Đoạn văn 5

- Các câu văn: *Hãy đem họ tên những người đỗ khoa này mà điểm lại. Có nhiều người đã đem văn học, chính sự ra tô điểm cho cảnh trị bình suốt mấy chục năm, được quốc gia tin dùng. Cũng không phải không có những kẻ vì nhận hối lộ mà hư hỏng, hoặc rơi vào hàng ngũ bọn gian ác, có lẽ vì lúc sống họ chưa được nhìn tấm bia này đề cập đến hai đối tượng chính-tà khi tham gia vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, từ đó khẳng định ý nghĩa của việc dựng bia vinh danh người hiền tài.*

Các câu tiếp: *Ví thử hỏi đó được mắt thấy thì lòng thiện tràn đầy, ý xấu bị ngăn chặn, đâu còn dám nảy sinh như vậy được? Thế thì việc dựng tấm bia đá này lợi ích rất nhiều: kẻ ác lấy đó làm răn, người thiện theo đó mà cố gắng, dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai, vừa để rèn giữa danh tiếng sĩ phu, vừa để củng cố mệnh mạch cho nhà nước. Thánh thân đặt ra đâu phải vô dụng chỉ ra ý nghĩa của việc dựng bia và hướng tới đích là răn bảo kẻ sĩ. Cách sử dụng câu hỏi tu từ liên kết ý, cùng phép liệt kê những giá trị từ việc dựng tấm bia... giúp cho các nội dung triển khai vừa logic và đầy đủ.*

\*Tiểu kết:

Khi viết bài văn bia, tác giả thống nhất hai tư cách (người truyền đạt thánh ý và kẻ sĩ tự trọng) giúp cho cách triển khai luận điểm trong bài uyển chuyển, linh hoạt. Luận điểm triển khai vừa mang màu sắc răn rỗi, dứt khoát của thánh ý, lại vừa tha thiết, giàu cảm xúc của người hiền tài

được trọng dụng, luôn suy nghĩ về việc báo đáp.

#### IV. TỔNG KẾT

##### 3.3 HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu hoạt động:** Viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu suy nghĩ của em về sự cần thiết của việc trọng dụng nhân tài.

HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** Giáo viên giao nhiệm vụ

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

**Bài làm mẫu**

Trần Nhân Trung từng nói: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”. Quốc gia hưng hay thịnh phụ thuộc vào tư tưởng, trí tuệ của hiền tài, bởi vậy mà việc trọng dụng hiền tài là rất cần thiết. Hiền tài là những con người có học thức, có trí tuệ, giỏi giang hơn người khác và quan trọng là có nhân cách tốt đẹp. Người vừa có tài, có khả năng hoàn thành mọi công việc; vừa có đức, có phẩm chất đạo đức biết sống hết mình vì mọi người, biết cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư,... mới là hiền tài chân chính, là người được quốc gia trọng dụng, đưa đất nước phát triển về mọi mặt. Việc trọng dụng nhân tài, hiền tài là không thể thiếu trong quá trình dựng nước và giữ nước. Từ xưa các bậc đế vương đã biết kêu gọi hiền tài, đề ra những chính sách hấp dẫn nhân tài, đưa ra những ích lợi, phần thưởng cho hiền tài và Hồ chủ tịch cũng đã bao lần kêu gọi hiền tài góp sức cho đất nước trong các cuộc kháng chiến, đề cao việc trọng dụng hiền tài. Dưới sự kêu gọi của Người, rất nhiều những nhân tài, hiền tài đã đứng lên đóng góp tài năng và trí tuệ của mình: các bậc trí thức tân tiến tài giỏi như Vũ Đình Tụng, Nguyễn Văn Huyên, Hoàng Minh Giám, Trần Văn Giàu, ... Dưới sự đóng góp của họ, đất nước ta đã chiến thắng các cuộc kháng chiến chống Pháp, Mĩ, đất nước tiến dần với nền độc lập, hòa bình. Nếu hiền tài không được kêu gọi, không được trọng dụng thì đất nước sẽ không thể tiến lên, không có sự hưng thịnh như ngày nay. Vì vậy, noi theo tấm gương của các bậc đế vương và Hồ chủ tịch, Đảng và Nhà nước ta hiện nay vẫn đề cao vai trò của việc trọng dụng hiền tài,

### 3.4 HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu hoạt động:** Liên hệ thực tế: Hiện nay, các tập đoàn lớn tuyển dụng nhân tài như thế nào?

b. **Nội dung thực hiện:** HS thực hiện một bài luận ngắn về một trong các chủ đề cho sẵn

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

Giáo viên giao nhiệm vụ

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh thực hiện bài luận ngắn

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo


HS sáng tạo theo hiểu biết và trí tưởng tượng của cá nhân

Gợi ý cho HS thực hiện

***Tham khảo phụ lục***

#### ***Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu về tác giả về thể văn bia***

**PHIẾU HỌC TẬP**  
TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ - TÁC PHẨM



Ghi lại 3 thông tin mà em biết về tác giả Thân Nhân Trung

- 1** \_\_\_\_\_
- 2** \_\_\_\_\_
- 3** \_\_\_\_\_

Nêu khái niệm về thể loại văn bia. Vì sao văn bia thường ngắn và có ngôn ngữ cực kỳ hàm súc?


\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_



<b>Ngày soạn</b>					
<b>Cho các lớp</b>	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
<b>Ngày dạy</b>					

**TUẦN 9 Tiết 25-26:**

**ĐỌC VĂN BẢN 2**  
**YÊU VÀ ĐỒNG CẢM**  
**(Trích – Phong Tử Khải)**  
**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**Giúp HS:**

**1. Kiến thức**

- ❖ **nêu** một số thông tin về tác giả và tác phẩm
- ❖ **hiểu** được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề.
- ❖ **cảm nhận** được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản.
- ❖ **thấy** được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật.

**2. Năng lực**

- ❖ **vận dụng** năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại
- ❖ **vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc

**3. Phẩm chất**

- ❖ **ý thức** được tầm quan trọng của sự đồng cảm trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b>	<b>SẢN PHẨM</b>
<p><b>1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ</b></p> <p><b>a. Mục tiêu hoạt động:</b> Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học</p> <p><b>b. Nội dung thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ GV cho HS xem video về khái niệm đồng cảm.</li> <li>❖ Link video: <a href="https://youtu.be/xD7Q5wG-2Vs">https://youtu.be/xD7Q5wG-2Vs</a></li> <li>❖ Phân đặt câu hỏi cho học sinh: Em hiểu như thế nào về sự đồng cảm trong cuộc sống? Khi bày tỏ sự đồng cảm với người khác hoặc khi nhận được sự đồng cảm của ai đó, bạn có tâm trạng như thế nào?</li> </ul>	
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b>            Giáo viên chiếu video            Thu thập câu trả lời của học sinh</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b>            Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b>            Học sinh chia sẻ</p>	<p><i>GV dẫn dắt vào bài học</i>  <i>Tìm hiểu về văn bản Yêu và đồng cảm</i></p>

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.

---

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

---

**a. Mục tiêu hoạt động:**

- ❖ **Học sinh nêu** một số thông tin về tác giả và tác phẩm
- ❖ **Học sinh hiểu** được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề.
- ❖ **Học sinh cảm nhận** được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản.
- ❖ **Học sinh thấy** được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật.

**b. Nội dung thực hiện:**

- ❖ **Học sinh hoàn thiện** phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm
- ❖ **Học sinh chia nhóm** thảo luận để tìm hiểu nội dung văn bản
- ❖ **Học sinh phát vấn, thảo luận** về tầm quan trọng của sự đồng cảm trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật.

**Tiết 1:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

Giáo viên phát phiếu **học tập số 1**  
HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về tác phẩm

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu

**Thời gian:** 10 phút

**Chia sẻ:** 3 phút

**Phản biện và trao đổi:** 2 phút

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

**I. Những nét chính về tác giả, tác phẩm**

**1. Tác giả**

*a. Tiểu sử*

- Phong Tử Khải (1898-1975) là nhà văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Trung Quốc

- Ông từng tôn Pháp sư Hoằng Nhất (Lý Thúc Đồng) làm thầy, thông hiểu văn hóa Trung Quốc lẫn phương Tây.

*2. Phong cách sáng tác*

- Văn của ông có phong cách bình dị mộc mạc, ý nghĩa khoan hậu nhân từ mà sâu sắc, và cả sự thú vị hồn nhiên như trẻ thơ, là những giai phẩm được tôn sùng trong văn học hiện đại Trung Quốc, nhiều lần được chọn đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn bậc tiểu học và trung học.

- Văn và những bức “mạn họa” của ông được công chúng đặc biệt yêu thích bởi sự dung dị, thuần khiết mà ẩn chứa nhiều suy nghiệm thâm sâu của người thông hiểu cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây.

- Trong các sáng tác của mình, ông luôn đề cao tấm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật

- Tranh của ông hài hước dí dỏm, lưu truyền rộng rãi, được nhiều người yêu thích, sưu tầm.

**2. Tác phẩm**

*a. Xuất xứ*

- Văn bản *Yêu và đồng cảm* được trích trong tập *Sống vốn đơn thuần* của Phong Tử Khải, là chương 5 của cuốn sách, có tiêu đề là *Sống mà học nghệ thuật*.

- *Sống vốn đơn thuần* là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả



	<p><b>b. Bố cục</b> 4 phần: - Phần 1: đoạn 1 + 2: những cảm nhận ban đầu và cách lý giải của tác giả về lòng đồng cảm - Phần 2: đoạn 3: cách thể hiện và ý nghĩa của lòng đồng cảm - Phần 3: đoạn 4 + 5: đối tượng của lòng đồng cảm và điểm tương đồng trong sự đồng cảm giữa trẻ em và người nghệ sĩ - Phần 4: đoạn 6: thông điệp gửi gắm của tác giả mong muốn mọi người hãy có lòng đồng cảm với vạn vật trong cuộc sống thường ngày</p>
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b> Giáo viên chia 4 nhóm để HS tìm hiểu về văn bản <b>Nhóm Nhạc sĩ</b>. Em hãy tìm trong văn bản những đoạn, những câu nói về trẻ em và cho biết vì sao tác giả lại nhắc nhiều đến trẻ em và tới tuổi thơ như vậy? <b>Nhóm Thám tử</b>. Xác định nội dung trọng tâm của từng phần đã được đánh số trong văn bản và đánh giá sự liên kết giữa các phần <b>Nhóm Họa sĩ</b>. Tác giả đã phát hiện điểm tương đồng gì giữa trẻ em và người nghệ sĩ? <b>Nhóm Nhà văn</b>. Theo em, nếu không có đoạn kể về chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc ở phần 1, sức hấp dẫn, thuyết phục của văn bản Yêu và đồng cảm sẽ bị ảnh hưởng như thế nào? <b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b> Học sinh thảo luận và trả lời Có thể dựa vào phiếu học tập gợi ý <b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b> Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu <b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b> Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p> <p><b>Tiết 2</b> <b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b> <b>Nhóm 1,2:</b> phiếu học tập số 2: thuyết trình về sản phẩm nhóm.</p>	<p><b>II. Đọc hiểu văn bản</b> <b>1. Những cảm nhận ban đầu và cách lý giải của tác giả về lòng đồng cảm. (đoạn 1+ 2)</b> - <b>Mở đầu bằng một câu chuyện:</b> cậu bé lật chiếc đồng hồ quả quýt úp xuống bàn; chuyển chén trà đặt phía sau quai ấm trà lên trước vôi ấm; bắc ghế trèo lên giậu dây treo tranh trên tường buồng thông thò ra ngoài. - Câu chuyện về sự đồng cảm =&gt; sự chú ý để tâm đến đồ vật, sự bày trí sắp xếp vị trí của chúng có thoải mái thì người nhìn vào mới cảm thấy dễ chịu. - Tâm cảnh trước cái đẹp là thủ pháp thường dùng trong văn miêu tả, là vấn đề cấu trúc thường gặp trong hội họa. =&gt; Tất cả đều được phát triển từ hội họa. =&gt; Người nghệ sĩ phải có lòng đồng cảm bao la như tấm lòng trời đất. - Chiêm nghiệm về cách nhìn đời của những người có nghề nghiệp khác nhau: + Cùng một gốc cây nhưng nhà khoa học, bác làm vườn, chú thợ mộc, anh họa sĩ lại có cách nhìn nhận khác nhau. + Nhà khoa học nhìn thấy được tính chất và trạng thái của nó, bác làm vườn thấy sức sống của nó, chú thợ mộc nhìn thấy chất liệu của nó, anh họa sĩ thấy dáng vẻ của nó. =&gt; Tiêu chuẩn giá trị trong thế giới của Mĩ khác hẳn trong thế giới của Chân và Thiện. Chúng ta chỉ thường thức dáng vẻ, màu sắc, hình dạng của sự vật chứ không quan tâm tới giá trị thực tiễn của chúng. =&gt; <i>Vì vậy tâm lòng người nghệ sĩ đối với mọi sự vật trên đời đều phải đồng cảm và nhiệt thành.</i></p> <p><b>2. Quan điểm của tác giả: đồng cảm là phẩm chất không thể thiếu của người nghệ sĩ</b></p>

Các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung hoặc đưa ra các phản biện.  
GV đánh giá, bổ sung và tổng hợp kết quả thảo luận cho Hs

Chỉ ra và phân tích được lí lẽ, bằng chứng được tác giả sử dụng để chứng minh tầm quan trọng của phẩm chất đồng cảm với người nghệ sĩ.

### **Nhóm 3,4 : phiếu học tập số 2: thuyết trình về sản phẩm nhóm.**

Các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung hoặc đưa ra các phản biện.

Các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung hoặc đưa ra các phản biện.  
GV đánh giá, bổ sung và tổng hợp kết quả thảo luận cho Hs

### **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi**

#### **( đoạn 3,4)**

- Lí lẽ được nêu:

+ “*Tấm lòng họa sĩ thường đồng điệu đồng cảm.....thơ vẽ mà thơ!*” ( đoạn 3)

+ “*thực ra nếu chúng ta bước vào thế giới của Mĩ...cảnh ấy*” ( đoạn 4)

- Dẫn chứng:

+ “*nếu nó không đủ khoáng đạt ...thì không khắc họa được thiếu nữ*” ( đoạn 3)

+ “*Chưa đích thân trải nghiệm sức sống của rồng ngựa... cái thần của bình hoa*” ( đoạn 4)

- Nhận xét về tính thuyết phục:

+ dẫn chứng cụ thể, phù hợp với các lí lẽ mà tác giả đưa ra.

+ sử dụng phép so sánh giữa họa sĩ và nhà thơ để làm nổi bật biểu hiện của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật.

**3. Tác giả đưa ra nhận định: người bình thường bẩm sinh ít nhiều cũng đã có sự đồng điệu đồng cảm với hình dạng tư thái của vạn vật rồi. ( đoạn 5,6)**

- Lí lẽ, dẫn chứng đưa ra:

+ “*thấy toàn những hình dạng, màu sắc đẹp đẽ.....khó chịu*”

+ “*mức độ đồng cảm nông sâu khác nhau*”

- Người sáng tạo nghệ thuật học được trẻ em những điều:

+ Không vụ lợi về mọi đối tượng: *không chỉ đồng cảm với con người... còn đồng cảm hết thảy mọi sự vật như chó mèo, hoa cỏ, chim cá, bướm sâu...*

+ Luôn duy trì trạng thái nhìn đời hồn nhiên: *hồn nhiên trò chuyện với chó mèo, hồn nhiên hôn lên hoa cỏ, hồn nhiên chơi với búp bê.*

+ Luôn phát hiện được những điều thú vị của thế giới mà nhiều người không thấy: *chúng thường để ý đến việc mà người lớn không chú tâm đến, phát hiện những điểm mà người lớn không phát hiện được.*

→ Tác giả nhắc đến trẻ em và tuổi thơ: theo tác giả, trẻ em là người dạy cho nghệ sĩ và chúng ta về các nhìn đời, nhận ra mối tương quan giữa vạn vật và sự cần thiết phải duy trì sự hồn nhiên, vô tư khi ứng xử với thế giới nghệ thuật.

- Nhận xét về tính thuyết phục:

+ Lí lẽ, dẫn chứng làm rõ nhận định.

+ so sánh giữa trẻ em với nghệ sĩ để đúc kết

### Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV đặt vấn đề: nếu không có đoạn kể về chú bé, thì quan điểm của nhà văn có được thể hiện không? Có ảnh hưởng đến sự hấp dẫn và thuyết phục của văn bản không? GV phát vấn:

- Danh xưng “ họa sĩ được nhắc lại bao nhiêu lần?
- Điều tác giả muốn bàn luận thì có phải chỉ bó hẹp trong phạm vi hội họa?
- Những từ ngữ, câu văn nào giúp bạn nhận ra điều đó?

HS thảo luận nhóm đôi, đưa ra quan điểm.

### Bước 4. Kết luận, nhận định GV phát phiếu học tập số 3

Theo anh/ chị, từ nội dung “ yêu và đồng cảm”, những bài học nào được rút ra với người nghệ sĩ?

GV hướng dẫn hs trao đổi thảo luận  
Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.

### 3. HOẠT ĐỘNG 3: KẾT NỐI ĐỌC-VIẾT

GV hướng dẫn hs thực hiện nhiệm vụ trên lớp hoặc giao về nhà.

Gợi ý: Viết đoạn văn khoảng 150 chữ về chủ đề “ sự đồng cảm tạo nên vẻ đẹp gắn kết của thế giới”.

Hs làm việc cá nhân hoặc theo nhóm theo hướng dẫn

những bài học cho người sáng tạo nghệ thuật.  
+ kết hợp giữa giọng điệu khẳng định với cách nói phản biện.

### 4. Thảo luận

**a/ vai trò của đoạn kể về chú bé mở đầu văn bản.**

- Nếu không có đoạn kể về chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc: ý tưởng, quan điểm người viết văn được nhận biết đầy đủ.

- tuy nhiên, sự hấp dẫn và thuyết phục sẽ bị hạn chế: vì không chỉ quan tâm đến nội dung nói mà bỏ qua vấn đề cách nói, cách trình bày.

=> hình thức nghị luận: xen vào văn bản 1 yếu tố tự sự.

**b/ vấn đề tác giả muốn bàn luận trong văn bản.**

- Triển khai bằng suy tư mang tính triết học bắt đầu bằng những trải nghiệm về hội họa.

- “ **hội họa**” và “ **họa sĩ**” là đối tượng mang tính đại diện cho một hoạt động rộng lớn hơn : nghệ thuật, trong đó có văn học .

- Câu văn khẳng định điều tác giả muốn đề cập: “ thực ra, nếu chúng ta bước được vào thế giới..... tư thái mà thôi”

**c/ bài học về sự sáng tạo nghệ thuật đặt ra từ văn bản**

- Liên hệ câu nói của Xuân Diệu: “ hãy nhìn đời bằng con mắt xanh non”

- Bài học về sự sáng tạo:

+ người nghệ sĩ không ngừng nuôi dưỡng tâm hồn thanh xuân, duy trì cái nhìn tích cực

+ tấm lòng cởi mở khoáng đạt , khát khao giao cảm với đời quyết định giá trị người nghệ sĩ. ⇨ **Quan**

**điểm** m tiến bộ, phù hợp với thế giới

nghệ thuật và mọi thời đại, được dẫn dắt bởi trí tuệ, am hiểu sâu sắc bản chất của đời sống lẫn nghệ thuật.

### 5. Kết nối đọc- viết

Thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. Gợi ý:

- Đoạn văn đảm bảo hình thức, nội dung của đoạn văn NLXH

- Giải thích từ khóa để khái quát vấn đề NL

- Bàn luận về ý nghĩa, vai trò gắn kết của sự đồng cảm.

- Dẫn chứng.

Bài học nhận thức, hành động

**Phụ lục**  
**Phiếu học tập số 1**

**PHIẾU HỌC TẬP**  
**VĂN BẢN: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM**

**Điền dấu x vào ô trống trước câu trả lời đúng về thông tin của tác giả và tác phẩm**

Phong Tử Khải (1898-1975) là nhà tản văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Việt Nam.

Ông từng tôn Pháp sư Hoảng Nhất (Lý Thúc Đồng) làm thầy, thông hiểu văn hóa Trung Quốc lẫn phương Tây.

Tranh của ông hài hước dí dỏm, lưu truyền rộng rãi, được nhiều người yêu thích, sưu tầm.

Văn bản Yêu và đồng cảm được trích trong tập Sống vốn đơn thuần của Phong Tử Khải, là chương 8 của cuốn sách, có tiêu đề là Sống mà học nghệ thuật.

Sống vốn đơn thuần là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả

**Phiếu học tập số 2**

Nhóm	Nhiệm vụ	Yêu cầu sản phẩm
1,2	<p>Lđ 3: vai trò của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Theo tác giả, phẩm chất nào không thể thiếu ở người nghệ sĩ?</li><li>- Tác giả đưa ra lí lẽ, bằng chứng nào để minh chứng tầm quan trọng của phẩm chất đó?</li><li>- Theo anh/ chị, danh xưng “ họa sĩ” được nhắc lại nhiều lần, nhưng điều tác giả muốn bàn luận có phải chỉ bó hẹp trong phạm vi hội họa không? Những từ ngữ, câu văn nào giúp ta nhận ra điều đó?</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trình bày trên giấy Ao/ các ứng dụng học tập.</li><li>- Hình thức sơ đồ tư duy, thuyết trình về sản phẩm.</li></ul>



<b>Ngày soạn</b>					
<b>Cho các lớp</b>	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
<b>Ngày dạy</b>					

**TUẦN 9, 10:Tiết 27-28**

**ĐỌC VĂN BẢN 3: CHỮ BÀU LÊN NHÀ THƠ**  
**(Trích – Lê Đạt) - (2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- ❖ **Học sinh** nêu một số thông tin về tác giả, tác phẩm
- ❖ **Học sinh nhận biết** được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học.
- ❖ **Học sinh phân tích** được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên khuôn mặt riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác.

## 2. Về năng lực

- ❖ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản nghị luận
- ❖ Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết đoạn văn kết nối đọc

3. Về phẩm chất: Học sinh nhận thức được đầy đủ hơn về lao động thơ và nhà thơ.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
<p><b>1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ</b></p> <p><b>a. Mục tiêu hoạt động:</b> Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học</p> <p><b>b. Nội dung thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>❖ GV cho HS chơi trò chơi: Mỗi dãy chọn ra 3 hs đại diện.</li><li>❖ Nội dung trò chơi: Thi đua đọc lại câu thơ và cho biết tác giả của câu thơ ấy (ít nhất 2 câu thơ/trả lời).</li><li>❖ Thời gian: Trong 5 phút, nhóm nào liệt kê được nhiều sẽ thắng.</li></ul>	
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b> Giáo viên chiếu hình ảnh một số nhà thơ tiêu biểu Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn sau khi kết thúc trò chơi:</p> <p>1. Theo em, nhà thơ thường là người thế nào? Em có cho rằng việc làm thơ gắn liền với những phút cao hứng, “bốc đồng”?</p> <p>2. Em nhớ được định nghĩa nào về thơ, nhà thơ hay công việc làm thơ?</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b> HS chia sẻ suy nghĩ về nhà thơ hoặc những định nghĩa về công việc làm thơ.</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b> GV mời một số HS trả lời.</p> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b> Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.</p> <p>Một nhà văn Mĩ có nói ngắn gọn: “Nhà thơ là người phát ngôn, người đặt tên, người đại diện của cái đẹp... Dấu hiệu và bằng chứng của nhà thơ là ở chỗ anh ta nói được những lời người khác chưa từng nói”. Đến với bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu để biết</p>	

<p>thêm về nghề lao động nghệ thuật cao quý này.</p>	
<p>❖ <b>Hình thành kiến thức</b></p>	
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b>          Giáo viên phát phiếu học tập          HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về tác phẩm</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b>          Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu  <b>Thời gian:</b> 10 phút  <b>Chia sẻ:</b> 3 phút  <b>Phản biện và trao đổi:</b> 2 phút</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b>          Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu</p> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b>          Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p><b>I. Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Tác giả Lê Đạt (1929 – 2008)</b>          - Quê quán: Bắc Giang          - Ông là nhà thơ luôn có ý thức tìm tòi, cách tân, đề cao lao động chữ nghĩa và nhận mình là “phu chữ”.          - Ông là một trong những nhân vật trụ cột của phong trào Nhân văn giai phẩm.          - Tác phẩm chính: (sgk)</p> <p><b>2. Tác phẩm</b>          - Được in lần đầu trên báo Văn nghệ, số 34, năm 1994</p> <p>- Thể loại: văn bản nghị luận          - Bố cục: 3 phần          + Phần 1: Ý kiến từng được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn xoay quanh đặc thù của lao động, của ngôn từ trong thơ.          + Phần 2: Đối thoại với những quan niệm mà tác giả không đồng tình trên vấn đề lao động thơ và nhận diện tầm vóc nhà thơ.          + Phần 3: Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính.</p>
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b>          Giáo viên phát Phiếu tìm hiểu văn bản          Chia lớp thành 4 nhóm theo hình thức KHĂN TRẢI BÀN.</p> <p>- <b>Nhóm 1:</b> Nêu những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn</p> <p>- <b>Nhóm 2:</b> Tác giả không trực tiếp định nghĩa khái niệm chữ. Dựa vào “ý tại ngôn ngoại” của văn bản, em hãy thử thực hiện công việc này.</p> <p>- <b>Nhóm 3:</b> “Không có chức nhà thơ suốt đời”, vậy lúc nào có một nhà thơ không còn là nhà thơ nữa?</p> <p>- <b>Nhóm 4:</b> Bài viết của Lê Đạt đã giúp em hiểu thêm gì về hoạt động sáng tạo thơ ca?</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b>          Học sinh suy nghĩ và trả lời</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b>          Học sinh chia sẻ câu trả lời</p> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b></p>	<p><b>II. Đọc hiểu văn bản</b></p> <p><b>1. Ý kiến từng được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn:</b>          - Tại cuộc Hội thảo Văn miếu và trong tập <i>Bóng chữ</i>, nhà thơ phát biểu:          + Văn xuôi chủ yếu dựa vào “ý tại ngôn tại”          + Thơ dựa vào “ý tại ngôn ngoại”          + Làm thơ không phải bằng ý mà bằng chữ.          + Nhà thơ làm chữ chủ yếu ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ.          → Nhà thơ đã chỉ ra sự khác nhau giữa ngôn ngữ trong văn và thơ.</p>



Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc tiếp văn bản phần (2), thảo luận cặp đôi và trả lời:

+ Tác giả “rất ghét” hay “không mê” những gì? Ngược lại ông “ưa” đối tượng nào?

+ Ở phần 2 của văn bản, tác giả đã tranh luận với hai quan niệm khá phổ biến:

- Thơ gắn liền với những cảm xúc bột phát, “bốc đồng”, làm thơ không cần cố gắng.

- Thơ là vấn đề của những năng khiếu đặc biệt, xa lạ với lao động lầm lũi và nỗ lực trau dồi học vấn.

Những lí lẽ và bằng chứng mà tác giả nêu lên đã thực sự thuyết phục chưa?

Hãy nói rõ ý kiến của bạn.

+ Em suy nghĩ gì về ý kiến của tác giả: “nhà thơ một năng hai sương, lầm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đôi bát mò hôi lấy từng hạt chữ”

+ Ở cuối phần 2, tác giả đã triển khai quan niệm “chữ bàu lên nhà thơ” như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Dẫn ý kiến của các nhà thơ, nhà văn lớn trên thế giới (Ét-mông Gia-bét, Gít-đơ, Pét-xoa), xem như đó là sự hậu thuẫn tích cực cho cách lí giải vấn đề của mình.

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc phần 3 văn bản và trả lời câu hỏi:

**2. Đối thoại với những quan niệm mà tác giả không đồng tình trên vấn đề lao động thơ và nhận diện tâm vóc nhà thơ**

- Tác giả không đồng tình với định kiến:

+ Thơ gắn liền với những cảm xúc bột phát, bốc đồng, làm thơ không cần cố gắng

+ Các nhà thơ Việt Nam thường chín sớm nên cũng lụi tàn sớm.

+ Nhà thơ sống bằng vốn trời cho

- Minh chứng:

+ Tôn – xtoi đã chữa đi chữa lại nhiều lần cuốn tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình”

+ Phlo – be cân nhắc chữ trên cân tiểu li như người thầy thuốc

- Tác giả Kính trọng đối với những nhà thơ một năng hai sương, lầm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đôi bát mò hôi lấy từng hạt chữ (như: Lý Bạch, Xa – a – đi, Gót, Ta – go).

- Biện pháp ẩn dụ: một năng hai sương, lực điền, cánh đồng giấy, hạt chữ.

- NT so sánh ngầm (mối tương đồng giữa hoạt động sáng tạo của nhà thơ và lao động của người nông dân trên đồng ruộng)

→ **Tác giả** khẳng định: mọi thành tựu cuối cùng có được đều do sự lao động vất vả, nghiêm túc, tâm huyết mà có.

- Nhận định “chữ bàu lên nhà thơ”

+ Theo nhà thơ Gia – bét: không có chức nhà thơ suốt đời

+ “Chữ” là ngôn ngữ nghệ thuật in đậm dấu ấn sáng tác của nhà thơ

+ Chữ trong thơ khác với ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ ngôn ngữ văn xuôi

+ Để tạo ra một bài thơ thì nhà thơ cần phải thông qua một cuộc bầu cử khắc nghiệt của cử tri chữ.

→ **N**hà thơ không phải là danh vị được tạo một lần cho mãi mãi. Nó có thể bị tước đoạt nếu nhà thơ không chịu khổ công lao động với ngôn từ mỗi khi viết một bài thơ mới.

<p>+ Theo tác giả, con đường chung cho các nhà thơ là gì?</p> <p>+ Qua bài viết của Lê Đạt đã giúp bạn hiểu thêm gì về hoạt động sáng tạo thơ ca?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời 2 – 3 HS trả lời, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p><b>3. Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính.</b></p> <p>- Con đường thơ gồm nhiều con đường riêng rất khác nhau của từng người.</p> <p>- “Con đường thơ chính là số phận của một nhà thơ”: cách nói thể hiện sự liên kết, mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà thơ và tác phẩm của họ.</p> <p>- Nhà thơ phải dùi mài, lao động chữ, biến ngôn ngữ công cộng thành ngôn ngữ đặc sản độc nhất làm phong phú cho tiếng mẹ đẻ.</p> <p>=&gt; Một nhà thơ có thành công tạo ra một bài thơ xuất sắc hay không là phải nhờ vào ngôn ngữ, ý nghĩa thơ.</p> <p><b>III. TỔNG KẾT</b></p> <p><b>1. Nội dung</b></p> <p>- Thể hiện rõ quan niệm của tác giả về nghề thơ - Nhà thơ là một nghề nghiệp không dễ làm, để tạo ra một bài thơ thì nhà thơ cần phải thông qua một cuộc bầu cử của chữ.</p> <p><b>2. Nghệ thuật</b></p> <p>- Lời văn rõ ràng, rành mạch</p> <p>- Cách trình bày luận điểm rõ ràng</p> <p>- Giọng thơ khi tha thiết, say sưa, khi trầm lắng, suy tư.</p>
<p><b>3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</b></p> <p><b>a. Mục tiêu hoạt động:</b> Dựa vào nội dung đã học</p> <p>HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ về một nhận định mà em cảm thấy tâm đắc nhất trong văn bản “Chữ bầu lên nhà thơ” của Lê Đạt.</i></p>	
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b> Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b> Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b> Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b> GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p><b>Dàn ý gợi ý:</b></p> <p>* <b>Giới thiệu vấn đề:</b> Tác giả đã đưa ra nhận định hay và thú vị là “Chữ bầu lên nhà thơ” - để làm nổi bật tầm quan trọng của chữ đối với các nhà thơ trong quá trình sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>* <b>Giải quyết vấn đề:</b></p> <p>- Khẳng định vai trò quan trọng của ngôn ngữ trong thơ ca.</p> <p>+ Ngôn ngữ thơ là tinh hoa tối cao của ngôn ngữ, là kiến trúc ngôn từ đặc biệt; tạo lập và tôn vinh vị thế nhà thơ.</p> <p>+ Khi nhà thơ cần mẫn với chữ thì sẽ có sự lựa chọn phù hợp nhất để diễn đạt ý cần nói, để tiếng lòng của mình được vang lên, được hữu hình hóa thành câu chữ, âm thanh, nhịp điệu.</p> <p>- Dẫn chứng tiêu biểu: “thi thánh” Đỗ Phủ với “Thu hứng”, Hồ Chí Minh với “Nhật kí trong tù”</p>

	<p><b>* Khẳng định lại vấn đề:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình sáng tạo nghệ thuật đầy sự khó khăn, vất vả, nhà thơ phải thổi hồn vào tác phẩm thông qua ngôn ngữ thơ ca, phải dựa vào chữ để tạo ra những tác phẩm đặc sắc.</li> <li>- “Chữ bầu lên nhà thơ” là một nhận định đúng đắn.</li> </ul>
<p><b>4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ</b></p> <p><b>a. Mục tiêu hoạt động:</b> Học sinh vận dụng liên hệ kiến thức trong bài học với cuộc sống</p> <p><b>b. Nội dung thực hiện:</b> HS thảo luận nhóm (theo từng bàn), trả lời câu hỏi: “Em làm cách nào để có thể <b>lưu giữ những bài thơ hay trường tồn theo năm tháng</b>”?</p>	
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b> Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b> Học sinh suy ngẫm và thực hiện hội thảo theo nhóm</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b> Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b></p>	<p>Gợi ý một số cách để giữ gìn giá trị của các tác phẩm văn học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên tổ chức các hoạt động tìm hiểu về nhà thơ, tác phẩm thơ</li> <li>- Xây dựng thư viện thơ</li> <li>- Hưởng ứng ngày đọc sách do nhà trường, Đoàn, Đội tổ chức nhằm tuyên truyền giá trị văn hóa đọc.</li> <li>- Thi đua thiết kế video giới thiệu những bài thơ hay.</li> </ul>

**Phụ lục: Phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

PHIẾU HỌC TẬP
1. Lê Đạt (1929 - 2008), quê ở tỉnh..... Ông tự nhận mình là .....
2. “Chữ bầu lên nhà thơ” được in lần đầu trên báo....., số....., năm.....
3. Vấn đề chính được bàn luận trong văn bản này là.....
4. Hãy tìm trong văn bản một câu có thể nêu bật được ý cốt lõi trong quan niệm về thơ của tác giả.
5. Tác phẩm giúp em hiểu thêm gì về hoạt động sáng tạo thơ ca?

<b>Ngày soạn</b>					
<b>Cho các lớp</b>	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
<b>Ngày dạy</b>					

**TUẦN 11; TIẾT 31:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**LỖI VỀ MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN:  
DẤU HIỆU NHẬN BIẾT VÀ CÁCH CHỈNH SỬA  
(1 Tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- ❖ **Học sinh nhắc lại** một số lí thuyết về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.
- ❖ **Học sinh nhận biết** được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.
- ❖ **Học sinh vận dụng** để hoàn thành bài tập

**2. Về năng lực**

**Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để giải bài tập và nhận biết được lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.

**3. Về phẩm chất:** Trân trọng và yêu sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

- 1. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- 2. Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b>	<b>SẢN PHẨM</b>
<p><b>1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ</b></p> <p><b>a. Mục tiêu hoạt động:</b> Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học</p> <p><b>b. Nội dung thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Chơi trò chơi: <b>Nối từ</b></li> <li>❖ GV chia lớp thành các đội chơi nối từ</li> <li>❖ Đội nào không có từ tiếp theo để nối là đội thua</li> </ul>	
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b> GV tổ chức hoạt động</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b> Học sinh suy nghĩ và trả lời</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b> Học sinh chia sẻ</p> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b> Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Sự liên kết và mạch lạc của từ ngữ cũng giống như trong đoạn văn và văn bản. Nó đều có sự thống nhất và có ý nghĩa nhất định.</p>	<p>Học sinh tham gia chơi trò chơi</p>
<p><b>2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC</b></p> <p><b>MỞI a. Mục tiêu hoạt động:</b></p>	

- ❖ Học sinh nhắc lại một số lí thuyết về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.
  - ❖ Học sinh nhận biết được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.
-

- ❖ Học sinh vận dụng để hoàn thành bài tập **b. Nội dung thực hiện:**
- ❖ Học sinh thực hiện bảng K – W – L - T kiến thức về từ Hán Việt đã học
- ❖ Học sinh điền phần K và W
- ❖ Học sinh chia nhóm hoàn thành bài tập trong SGK
- ❖ Giáo viên chốt kiến thức
- ❖ Học sinh điền phần L – T và tự đánh giá sau bài học

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

Giáo viên cho HS thực hiện bảng KWLТ về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản  
 K: Điều đã biết  
 W: Điều muốn biết thêm  
 L: Điều học được  
 T: Điều sẽ dạy các bạn

Giáo viên chia lớp thành các nhóm theo năng lực để giải các bài tập trong SGK

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu

**Thời gian:** 10 phút

**Chia sẻ:** 3 phút

**Phản biện và trao đổi:** 2 phút

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

Giáo viên chốt những kiến thức

**• Phiếu K – W – L – T**

<b>K</b> <b>Điều con đã biết</b>	<b>W</b> <b>Điều con muốn biết</b>	<b>L</b> <b>Điều con học được</b>	<b>T</b> <b>Điều con sẽ dạy lại các bạn</b>

**• Lí thuyết**

**1. Khái niệm về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn**

Mạch lạc trong đoạn văn là các câu, các ý, các phần, các đoạn trong đoạn văn đều phải hướng về một sự thống nhất, một ý hay một chủ đề nào đó. Hay nói một cách đơn giản thì mạch lạc là sợi dây vô hình gắn kết các phần, các ý, các đoạn trong đoạn văn.

**2. Nhận biết lỗi về liên kết trong đoạn văn**

- Giữa các câu liền kề không có phương tiện kết nối hoặc có nhưng không phù hợp khiến đoạn văn trở nên rời rạc.

**3. Khắc phục lỗi liên kết trong đoạn văn**

- Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu liền kề nhau.

- Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai.

- Nếu chưa có phương tiện kết nối hợp lý phải bổ sung. Có thể viết thêm câu phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch lập luận.

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ để phát hiện lỗi liên kết ở các bài tập Sgk

**b. Nội dung thực hiện**

HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

Giáo viên giao nhiệm vụ

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh thực hiện đọc và thực hành

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Hướng dẫn lời giải:

**Câu 1**

Nhận xét khái quát về liên kết và mạch lạc trong văn bản:

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

- Về mạch lạc: các đoạn văn trong văn bản đều làm nổi bật luận đề chung của văn bản, và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, logic.

- Về liên kết: các câu trong đoạn văn đều hướng về chủ đề chính của từng đoạn và được liên kết với nhau bằng các phép lặp, phép thế, phép nối, ...

**Câu 2**

Đoạn 1:

a) Lý do đoạn (1) được coi là đoạn văn:

- Về hình thức:

+ Đoạn văn trên được tạo thành bằng 4 câu văn được liên kết với nhau bằng phép liên kết hình thức: phép lặp.

+ Đoạn văn trên được viết giữa hai dấu chấm xuống dòng, chữ cái đầu đoạn được viết lùi vào một chữ và viết hoa.

- Về nội dung: đoạn văn có nội dung viết về lòng đồng cảm của con người, thuộc văn bản Yêu và đồng cảm.

b) Các câu trong đoạn văn có sự mạch lạc với nhau, cùng nói về tấm lòng đồng cảm của con người, trong câu đầu nhắc đến các từ “tấm lòng” hay “lòng đồng cảm”.

c) Dấu hiệu nhận thấy sự mạch lạc giữa các đoạn:

- Đoạn văn trên và các đoạn văn khác đều hướng đến làm nổi bật chủ đề của văn bản Yêu và đồng cảm.

- Đoạn văn trên là một lí lẽ nằm trong đoạn (5) của văn bản, kết lại vấn đề về tấm lòng đồng cảm của trẻ em và con người.

d) Những từ ngữ được lặp lại nhiều lần: con người/người, tấm lòng, lòng đồng cảm, chỉ có/chỉ vì.

Tác dụng của việc lặp lại các từ ngữ trên là để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu văn, đoạn văn có sự mạch lạc, logic về mặt hình thức.

Đoạn 2:

a) Lý do đoạn văn vẫn rời rạc: phép liên kết được sử dụng chưa đúng cách, chưa phù hợp, các câu văn chưa có sự liên kết khiến đoạn văn bị rời rạc.

b) Lỗi liên kết: Đoạn văn sử dụng phép liên kết hình thức (phép lặp) chưa phù hợp, chưa liên kết được các câu trong đoạn.

Đoạn 3:

a) Dấu hiệu nổi bật: câu văn thứ hai trong đoạn được triển khai không đúng với chủ đề chung của đoạn văn.

b) Dấu hiệu của lỗi liên kết:

- Phép nối được sử dụng để liên kết giữa câu một và câu hai chưa phù hợp.

- Giữa câu hai và câu ba chưa có phép liên kết hình thức.

c) Cách sửa:

- Thay thế phép nối “Mặc dù ... nên...” giữa câu một với câu hai thành “Vì ... nên...”, trở thành câu:

“Vì không tìm thấy được ích lợi của đọc sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn, phát huy trí tưởng tượng và rèn luyện cách suy nghĩ nên hầu như mọi người đã vứt bỏ thói quen đọc sách.”

- Có thể sửa câu thứ ba thành “Tuy chiếc điện thoại thông minh rất tiện lợi trong việc đáp ứng nhiều nhu cầu của con người trong cuộc sống hiện đại, nhưng nó lại khó giúp ta tìm được sự yên tĩnh, lắng sâu trong tâm hồn.”

#### **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**



<p><b>a. Mục tiêu hoạt động:</b> Học sinh thực hiện viết 1 đoạn văn ngắn sử dụng kiến thức về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản</p> <p><b>b. Nội dung thực hiện:</b> HS viết một đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ với chủ đề: “Ai không có sức mạnh để tha thứ cũng không có sức mạnh để yêu thương.”</p>	
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b> Học sinh viết bài Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thảo luận và thực hiện</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>Học sinh thực hiện viết bài và nộp lại cho GV</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b></p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b></p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	

**Phụ lục 1. Rubric đánh giá thảo luận nhóm**

<b>TIÊU CHÍ</b>	<b>CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)</b>	<b>ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)</b>	<b>RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)</b>
<b>Hình thức (2 điểm)</b>	<b>0 điểm</b> Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	<b>1 điểm</b> Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	<b>2 điểm</b> Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
<b>Nội dung (6 điểm)</b>	<b>1 - 3 điểm</b> Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	<b>4 – 5 điểm</b> Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	<b>6 điểm</b> Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
<b>Hiệu quả nhóm (2 điểm)</b>	<b>0 điểm</b> Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	<b>1 điểm</b> Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	<b>2 điểm</b> Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
<b>Điểm</b>			
<b>TỔNG</b>			

<b>Ngày soạn</b>					
<b>Cho các lớp</b>	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
<b>Ngày dạy</b>					

**TUẦN 11;Tiết 32: VIẾT**

**VIẾT BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM  
(2 Tiết)**

**Tiết 1: Hướng dẫn viết**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:
  - HS hiểu được cấu trúc, đặc trưng, yêu cầu của một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
  - HS hiểu được ứng dụng của bài luận trong các tình huống giao tiếp.
2. Năng lực
  - HS viết được 1 bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm theo các bước được hướng dẫn.
3. Phẩm chất:
  - HS hiểu được các hiện tượng xã hội, biết tự rút ra những bài học, những trải nghiệm cho bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập....
2. Học liệu:
  - Đối với GV: giáo án, SGK, SGV.....
  - Đối với HS: bài soạn, SGK, vở ghi, bảng phụ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra:**

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Mở**

**đầu a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được yêu cầu đối với kiểu bài.
- HS hiểu được ứng dụng của kiểu bài trong các tình huống giao tiếp.

**b. Nội dung:**

- Thảo luận: một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm cần đáp ứng những yêu cầu nào? Kiểu bài này mang đến những tác dụng gì cho người viết?

**c. Sản phẩm:**

- Các yêu cầu cơ bản của bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm
- Tác dụng của kiểu bài

**d. Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV - HS</b>	<b>Dự kiến sản phẩm</b>
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập: Xem tranh, kết hợp đọc phần bảng dẫn và bảng yêu cầu phân mở đầu hãy cho biết <b><u>tầm quan trọng, yêu cầu, tác dụng</u></b> của bài luận thuyết phục.	* <b>Tầm quan trọng, yêu cầu, tác dụng của bài văn thuyết phục:</b> - <b>Tầm quan trọng:</b> đạt được mục tiêu và nhận được sự hỗ trợ tích cực từ người đối diện - <b>Yêu cầu:</b>

Bước 2: HS đọc  
Bước 3: HS trình bày kết quả làm  
việc của bản thân.

+ Nêu được thói quen hay quan niệm cần từ  
bỏ

<p>Bước 4: GV kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Tâm quan trọng</b></li> <li>+ <b>Yêu cầu</b></li> <li>+ <b>Tác dụng của bài luận thuyết phục.</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ ra các biểu hiện, khía cạnh của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ</li> <li>+ Phân tích tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đối với cá nhân và cộng đồng.</li> <li>+ Nêu giải pháp để người được thuyết phục có thể thực hiện để từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp.</li> <li>- <b>Tác dụng:</b></li> <li>+ Nắm được cách tạo lập văn bản nghị luận nói chung</li> <li>+ Định hướng lối nghĩ, lối sống lành mạnh, giàu tinh thần xã hội, cộng đồng của người nói, người viết.</li> </ul>
--	---

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

### a. Mục tiêu:

- Hs hiểu được bố cục, nội dung đặc trưng của kiểu bài.
- Hs trả lời được các câu hỏi đặt dưới văn bản, xác định rõ mục tiêu hướng tới là nắm được đặc điểm của kiểu bài viết và các thao tác viết cần vận dụng.

**b. Nội dung:** Đọc bài viết tham khảo, trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Phiếu trả lời câu

hỏi. **d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Hs đọc bài viết tham khảo theo các ô chỉ dẫn, gợi ý bên phải văn bản và trả lời các câu hỏi trong SGK, rút ra đặc trưng của kiểu bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.</p> <p>CH1: VB được chia làm mấy phần? Nội dung từng phần?</p> <p>CH2: Muốn thực sự thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm, người viết phải đặc biệt lưu ý những điểm gì?</p> <p>CH3: Việc xác định vị thế phát ngôn và lựa chọn bối cảnh, giọng điệu có tác dụng gì khi thuyết phục người khác? Cách thể hiện việc xác lập vị thế phát ngôn, giọng điệu?</p> <p>CH 4: Tâm quan trọng của việc dự đoán những ý kiến phản biện? CH5: Từ những phân tích trên, hãy cho biết khái niệm và bố cục của kiểu bài luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen tiêu cực?</p>	<p><b>I. Tìm hiểu ngữ liệu</b></p> <p><b>1. Đọc – hiểu:</b></p> <p><b>a. Những nội dung chính của bài viết.</b> -</p> <p>Đoạn văn 1,2: Xác lập vị thế, giọng điệu người trong cuộc, người chứng kiến, trải nghiệm... Nêu thói quen cần từ bỏ.</p> <p>-Đoạn văn 3: Bày tỏ thái độ cảm thông, hiểu biết, chia sẻ để gây thiện cảm hay tạo nên ấn tượng tích cực cho đối tượng được thuyết phục.</p> <p>-Đoạn văn 4: Chỉ ra các biểu hiện của thói quen cần từ bỏ và phân tích mặt tiêu cực của thói quen đó.</p> <p>-Đoạn văn 5: Bày tỏ tinh thần sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ của mình với người được thuyết phục.</p> <p>-Đoạn văn 6: Khái quát lại vấn đề, nâng lên thành bài học nhận thức, ứng xử.</p> <p><b>b. Nhận xét:</b></p> <p><b>- Yêu cầu người viết thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nêu rõ thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ; mục đích lí do viết bài luận.</li> </ul>

Bước 2: HS đọc bài viết tham khảo và trả lời câu hỏi theo phiếu học tập (chuẩn bị ở nhà).

Bước 3: HS trình bày kết quả làm việc của bản thân

Bước 4: GV kết luận: Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm thường gồm 3 phần: phần mở đầu thể hiện quan điểm của người viết và thói quen, quan điểm cần từ bỏ; phần thân bài bày tỏ thái độ, hiểu biết, chia sẻ với người được thuyết phục, chỉ ra các biểu hiện của thói quen cần từ bỏ, phân tích mặt tiêu cực của thói quen đó với cá nhân, cộng đồng, nêu giải pháp từ bỏ; phần kết bài nhắc lại thông điệp chính hoặc bài học rút ra.

+ Trình bày các luận điểm: tác hại của thói quen hay quan niệm → lợi ích của việc từ bỏ thói quen hay quan niệm → những gợi ý về giải pháp thực hiện.

+ Sử dụng lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục, có lí, có tình.

+ Sắp xếp luận điểm, lí lẽ theo trình tự hợp lí

+ Diễn đạt mạch lạc, chặt chẽ, lời lẽ chân thành.

+ Đảm bảo bố cục 3 phần

- **Tâm quan trọng và cách thể hiện việc xác lập vị thế phát ngôn, giọng điệu:**

+ Tạo được sự gắn kết với người đọc.

+ Tùy từng mục đích, nội dung, đối tượng thuyết phục mà người viết chọn vị thế phù hợp qua xưng hô, cách dùng từ, đặt câu...

- **Ý nghĩa của việc dự đoán những ý kiến phản biện:** Dự đoán những ý kiến phản biện giúp người viết chủ động, tự tin trong các tình huống bất ngờ, đồng thời thể hiện cái nhìn sâu rộng của người viết về nội dung trình bày.

## 2. Kết luận:

### a. Khái niệm:

Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm là kiểu bài nghị luận dùng lí lẽ và bằng chứng để chỉ ra sự sai trái và tác hại của một thói quen hay quan niệm nhằm giúp họ từ bỏ thói quen hay quan niệm ấy.

### b. Bố cục: 3 phần:

- Phần mở đầu: Nêu thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ; lí do hay mục đích viết bài luận

(Có thể gợi ra bối cảnh của việc thuyết phục và xác định vị thế phát ngôn của người viết) -

Phần thân bài: (lí lẽ, bằng chứng)

+ Trình bày biểu hiện (mặt trái, tác hại) của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ

+ Phân tích lí do nên từ bỏ thói quen hay quan niệm đó (lợi ích của việc từ bỏ thói quen hay quan niệm)

+ Đề xuất giải pháp từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp (cách từ bỏ và các bước từ bỏ)

+ Dự đoán ý kiến phản biện (dự đoán sự đồng tình, ủng hộ của những người xung

	<p>quanh khi người viết thuyết phục từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp ).</p> <p>- Phần kết bài: khẳng định lại ý nghĩa, lợi ích của việc từ bỏ thói quen hay quan niệm đã được đề cập</p>
--	---

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ 1 thói quen, quan điểm.

HS thực hành các bước để viết được 1 bài luận thuyết phục dựa trên hướng dẫn của cá nhân

**b. Nội dung:** Thực hành theo các bước

**c. Sản phẩm:** Phiếu hướng dẫn viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS tự nghiên cứu theo từng nhóm nội dung phần thực hành viết trong SGK, nêu các vấn đề còn thắc mắc để trao đổi chung; thảo luận về đề tài viết.</p> <p>Bước 2: HS đọc phần thực hành viết trong SGK, trao đổi và chọn đề tài viết</p> <p>Bước 3: HS chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm, các HS khác nhận xét, bổ sung phần tìm ý, lập dàn ý của đề tài</p> <p>Bước 4: GV nhận xét phần trình bày của các nhóm phần tìm ý, lập dàn ý của đề tài → chốt lại kiến thức cơ bản</p>	<p style="text-align: center;"><b>II. Thực hành viết</b></p> <p style="text-align: center;"><b>1. Chuẩn bị viết: Xác định đề tài</b></p> <p>- Xác định đề tài:</p> <p>+ Về các thói quen cần từ bỏ: đi học muộn; không làm bài tập ở nhà; không chuẩn bị bài mới; hay ăn quà vặt trong lớp; hay dựa dẫm ý lại; xả rác, chất thải không đúng nơi qui định; cười nói to, gây tiếng ồn nơi công cộng.....</p> <p>+ Về các quan niệm cần từ bỏ: kì thị người khác giới; kì thị người tàn tật; coi thường những người có hoàn cảnh khó khăn; quá đề cao cái tôi cá nhân; cần ăn mặc khác người để tỏ ra sành điệu....</p> <p>- Các bước chuẩn bị viết:</p> <p>+ Bước 1: Xác định đề tài</p> <p>+ Bước 2: Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc</p> <p>+ Bước 3: Thu thập tư liệu (nhiều nguồn: tài liệu thực tế, tài liệu lưu trữ; thu thập từ truyền thống và từ những quan sát, trải nghiệm đời sống của chính bạn....)</p> <p style="text-align: center;"><b>Đề thực hành viết: Hãy viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen không làm bài tập ở nhà.</b></p> <p><b>2. Tìm ý, lập dàn ý:</b></p> <p><b>a. Tìm ý:</b></p> <p>- Thói quen cần từ bỏ có những biểu hiện gì cụ thể?</p> <p>- Học sinh tìm ý bài viết thông qua hệ thống các câu hỏi dựa vào phần bố cục bài luận thuyết phục:</p> <p>+ Biểu hiện của thói quen không làm bài tập về nhà là gì?</p>
<p>+ Không đọc lại bài đã học, lười làm bài tập, làm đối phó, chép bài bạn,....</p> <p>- Vì sao cần phải từ bỏ thói quen ấy? Nó đã ảnh hưởng không tốt đến bạn và môi trường hoặc cộng đồng như thế nào?</p>	

<p>+ Tác hại/hậu quả?  + Vì sao lại cần phải từ bỏ thói quen này?  + Những giải pháp để khắc phục thói quen?</p> <p>- HS làm việc theo nhóm lập dàn ý bài viết ra bảng phụ học tập (Bảng A0)  - GV chốt các luận điểm quan trọng theo bố cục</p> <p>GV nhấn mạnh:  - Thứ 1: Bước viết bài phải dựa vào dàn ý đã lập để thực hiện bài viết  - Thứ 2: Sau khi viết bài xong phải đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để đảm bảo không bỏ sót ý; Thay đổi từ ngữ, câu văn ...trong cách diễn đạt nếu cần.....</p>	<p>+ Là một thói quen xấu gây ảnh hưởng đến bản thân và cả những người xung quanh  + Không thể bỏ sung kiến thức bài học dẫn đến tình hình học tập sa sút  + Hình thành thói quen ỷ lại vào bạn bè, ảnh hưởng đến bạn bè trong lớp  + Thầy cô lo lắng, bố mẹ buồn phiền  - Việc từ bỏ thói quen hay quan niệm ấy nên được thực hiện ra sao?  + Thiết lập thời gian biểu cho thời gian làm bài tập về nhà hợp lí  + Chủ động, tự giác hoàn thiện bài tập + Tìm bạn đồng hành giúp đỡ  - Tôi và tập thể có thể hỗ trợ gì cho bạn?  + Hướng dẫn làm những bài tập khó  + Học nhóm...</p> <p><b>b. Lập dàn ý: Dàn ý tham khảo:</b>  - Mở bài: Học tập là nhiệm vụ của học sinh. Để duy trì thành tích học tập tốt, bên cạnh việc chăm chú nghe giảng, học tập trên lớp, thời gian tự học thông qua làm bài tập về nhà cũng vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay phần lớn các học sinh có thói quen không làm bài tập ở nhà.  - Thân bài  + Biểu hiện của thói quen không làm bài tập ở nhà: không đọc lại bài đã học, lười làm bài tập, làm đối phó, chép bài bạn,....  + Lí do nên từ bỏ thói quen không làm bài tập: Là một thói quen xấu gây ảnh hưởng đến bản thân và cả những người xung quanh;Không thể bỏ sung kiến thức bài học dẫn đến tình hình học tập sa sút; Hình thành thói quen ỷ lại vào bạn bè, ảnh hưởng đến bạn bè trong lớp, Thầy cô lo lắng, bố mẹ buồn phiền,.....  + Cách từ bỏ và các bước từ bỏ thói quen không làm bài tập ở nhà: Thiết lập thời gian biểu cho thời gian làm bài tập về nhà hợp lí, chủ động, tự giác hoàn thiện bài tập;tìm bạn đồng hành giúp đỡ  + Dự đoán sự đồng tình, ủng hộ của những người xung quanh khi được thuyết phục từ bỏ thói quen không làm bài tập  - Kết bài: nêu ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen không làm bài tập ở nhà</p> <p><b>3. Viết</b>  - Dựa vào dàn ý đã lập để thực hiện bài viết.</p>
---	---

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần chọn giọng điệu ân cần, cảm thông khi thể hiện lý lẽ thuyết phục. Dù khi viết, bạn không nhất thiết phải nêu tên người được thuyết phục, nhưng bạn cần hình dung về đối tượng đang nghe mình nói một cách hết sức cụ thể. Điều này sẽ giúp bài viết tránh được những lời hô hào chung chung.</li> <li>- Cần nêu những bằng chứng tích cực để bài viết thể hiện rõ tính chất động viên.</li> </ul> <p><b>4. Chỉnh sửa, hoàn thiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để đảm bảo không bỏ sót ý.</li> <li>- Thay thế những từ ngữ có thể tạo nên giọng điệu thuyết phục không thích hợp, chẳng hạn như những từ ngữ toát lên sắc thái mệnh lệnh, quyết đoán: Không được, cần phải,... Bỏ những ý, những câu dễ tạo ra phản ứng ngược từ phía người được thuyết phục.</li> <li>- Bổ sung những ý, những câu thể hiện sự cảm thông, chia sẻ cần thiết với đối tượng được thuyết phục nếu thấy còn thiếu.</li> <li>- Chỉnh lại những điểm thiếu nhất quán và chưa phù hợp với bối cảnh thuyết phục trong việc sử dụng các đại từ xưng hô.</li> <li>- Đảm bảo không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu hỏi và tổ chức văn bản.</li> </ul>
--	--

**Hoạt động 4: Vận dụng:**

<b>Hoạt động của GV-HS</b>	<b>Dự kiến sản phẩm</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>* Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.</li> <li>* Nhiệm vụ: HS vận dụng kiến thức đã học về bài luận thuyết phục để áp dụng vào viết các bài văn nghị luận</li> <li>* Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân</li> <li>* Sản phẩm: bài viết sau này của học sinh</li> <li>* Cách tiến hành:               <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS: HS lựa chọn một trong các đề tài</li> <li>2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.                   <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe yêu cầu.</li> <li>+ Trình bày giấy A4.</li> <li>+ Dự kiến sp: thu, lựa chọn các bài viết hay đóng dạng tập san</li> </ul> </li> </ol> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập san các bài viết độc lập đạt điểm khá – giỏi</li> </ul>



## Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng, sáng tạo

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* Mục tiêu: HS mở rộng vốn kiến thức đã học</p> <p>* Nhiệm vụ: Về nhà sưu tầm các bài luận thuyết phục</p> <p>* Phương thức hoạt động: cá nhân</p> <p>* Y/cầu sản phẩm: photo làm tài liệu tự học</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <p>1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS: Sưu tầm các bài luận thuyết phục (các đề tài khác nhau; cùng một đề tài nhưng các bài luận khác nhau)</p> <p>2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe yêu cầu.</li> <li>+ Về nhà sưu tầm.</li> <li>+ Photo</li> <li>+ Ghim thành tài liệu tự học</li> </ul>	<p><b>Sưu tầm các bài luận thuyết phục:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các đề tài khác nhau.</li> <li>+ Cùng một đề tài nhưng các bài luận khác nhau</li> </ul>

### 4. Dặn dò:

- Xem lại kiến thức bài học, tập trung vào kỹ năng làm bài luận thuyết phục
- Viết bài
- Hoàn thiện bài tập trong SGK và bài tập GV giao
- Soạn bài tiếp theo

### IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

### Phiếu học tập số 1

Câu hỏi	Câu trả lời
CH1: VB được chia làm mấy phần? Nội dung từng phần?	
CH2: Muốn thực sự thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm, người viết phải đặc biệt lưu ý những điểm gì?	

CH3: Việc xác định vị thế phát ngôn và lựa chọn bối cảnh, giọng điệu có tác dụng gì khi thuyết phục người khác? Cách thể hiện việc xác lập vị thế phát ngôn, giọng điệu?	
CH 4: Tâm quan trọng của việc dự đoán những ý kiến phản biện?	
CH5: Từ những phân tích trên, hãy cho biết khái niệm và bố cục của kiểu bài luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen tiêu cực?	

## **Tiết 2: Trả bài**

### **I. MỤC TIÊU**

#### 1. Kiến thức:

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi viết bài văn thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

#### 2. Năng lực:

- Năng lực tiếp nhận văn bản, hợp tác, cảm thụ, năng lực giao tiếp.
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành viết bài văn thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
- Năng lực tiếp thu, rèn luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

#### 3. Phẩm chất:

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu...
2. Học liệu:
  - Đối với GV: Giáo án, SGK, SGV, Bài của học sinh đã chấm ...
  - Đối với HS: Bài soạn, SGK, vở ghi....

### **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Ôn định tổ chức:
2. Kiểm tra bài cũ :
3. Bài mới:

- a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.
- b. **Nội dung:** GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.
- c. **Sản phẩm:** Hs chuẩn bị kiến thức đã có trong đề kiểm tra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV - HS</b>	<b>Dự kiến sản phẩm</b>
<p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:</b> GV: Đọc một đoạn văn của một HS trong bài viết hôm trước, và yêu cầu nhận diện chỗ sai/chưa hoàn thiện.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b> - HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b> - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> - GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ. - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: <i>Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra viết bài văn thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm</i></p>	<p>- HS nhận diện được chỗ sai trong đoạn văn</p>

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức:**

**Nội dung 1. Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài**

- Mục tiêu:** Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài, dàn ý của đề bài
- Nội dung:** GV kiểm tra việc hiểu bài của HS.
- Sản phẩm học tập:** HS nhắc lại được yêu cầu của kiểu bài và dàn ý.
- Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV - HS</b>	<b>Dự kiến sản phẩm</b>
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>GV: Cho HS</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài viết bài văn thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.</li><li>- Đọc lại đề bài.</li><li>- Nhắc lại dàn ý đã thống nhất trước khi thực hành viết bài ở tiết trước</li></ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành nhiệm vụ học tập để trình bày trước lớp.</li></ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p>	<p><b>I. Tìm hiểu đề và lập dàn ý</b></p> <p><b>1. Yêu cầu chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ</li><li>+ Chỉ ra các biểu hiện, khía cạnh của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ</li><li>+ Phân tích tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đối với cá nhân và cộng đồng.</li><li>+ Nêu giải pháp để người được thuyết phục có thể thực hiện để từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp.</li></ul> <p><b>2. Đề bài :</b></p> <p>Hãy viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen không làm bài tập ở nhà.</p> <p><b>3. Dàn ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <i>Mở bài:</i> Học tập là nhiệm vụ của học sinh. Để duy trì thành tích học tập tốt, bên cạnh</li></ul>

- GV mời 3 HS lên bảng ghi kết quả.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã ghi nhớ và thông hiểu .

- GV chốt dàn ý bài viết và thang điểm cho bài viết

việc chăm chú nghe giảng, học tập trên lớp, thời gian tự học thông qua làm bài tập về nhà cũng vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay phần lớn các học sinh có thói quen không làm bài tập ở nhà.

- *Thân bài*

+ Biểu hiện của thói quen không làm bài tập ở nhà: không đọc lại bài đã học, lười làm bài tập, làm đôi phỏ, chép bài bạn,....

+ Lí do nên từ bỏ thói quen không làm bài tập: Là một thói quen xấu gây ảnh hưởng đến bản thân và cả những người xung quanh; Không thể bổ sung kiến thức bài học dẫn đến tình hình học tập sa sút; Hình thành thói quen ỷ lại vào bạn bè, ảnh hưởng đến bạn bè trong lớp, Thầy cô lo lắng, bố mẹ buồn phiền,.....

+ Cách từ bỏ và các bước từ bỏ thói quen không làm bài tập ở nhà: Thiết lập thời gian biểu cho thời gian làm bài tập về nhà hợp lí, chủ động, tự giác hoàn thiện bài tập; tìm bạn đồng hành giúp đỡ

+ Dự đoán sự đồng tình, ủng hộ của những người xung quanh khi được thuyết phục từ bỏ thói quen không làm bài tập

- *Kết bài*: nêu ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen không làm bài tập ở nhà

**3. Đáp án và biểu điểm**

\* *Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn* ( 0,25 điểm)

\* *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*: thuyết phục người khác từ bỏ thói quen không làm bài tập ở nhà. (0,5 điểm)

\* *Triển khai vấn đề nghị luận*:

- Giới thiệu dẫn dắt được vấn đề (0,5 điểm)

- Triển khai được các ý như trên dàn bài

-> *Hiểu vấn đề và triển khai đầy đủ các ý sau và có dẫn chứng thuyết phục, lập luận chặt chẽ* (7,0-8,5điểm)

-> *Hiểu vấn đề và triển khai được tương đối đầy đủ các ý sau và có dẫn chứng thuyết phục, lập luận chặt chẽ* (7,25-6,0điểm)

-> *Hiểu vấn đề nhưng triển khai còn thiếu ý, có dẫn chứng* (4,0 – 6,0 điểm)

-> *Hiểu nhưng viết lam man* (2,0 -4,0)

-> *Hiểu sai vấn đề* (0,0 điểm)

- *Chính tả , từ ngữ, ngữ pháp*: Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt (0,25)

	- <i>Sáng tạo</i> : Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, có suy nghĩ riêng phù hợp vấn đề của bài luận, có cách lập luận, diễn đạt mới mẻ (0,5 điểm)
--	--

**Nội dung 2. Nhận xét và sửa lỗi bài viết**

**a. Mục tiêu:** Nhận diện và hiểu rõ những ưu điểm và nhược điểm trong bài viết. Phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế ở bài viết sau.

**b. Nội dung:** HS sử dụng bài làm so sánh dàn ý, đáp án.

**c. Sản phẩm:** HS so sánh bài làm với đáp án.

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>GV: <i>Từ những yêu cầu của đề bài, các em hãy cho biết các em đã làm được những gì và những gì chưa làm được trong bài làm của mình?</i></p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b> - HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành nhiệm vụ học tập để trình bày trước lớp.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả</b> - HS chia sẻ ưu điểm và hạn chế trong bài viết của mình so với dàn ý, đáp án</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> - GV nhận xét, khen ngợi các HS nhận biết ưu điểm và hạn chế trong bài viết. + Nhận xét cụ thể 1 số bài ở 3 phổ điểm: Giỏi – khá – TB – Yếu. + Chốt lại một số ưu điểm và hạn chế nổi bật và nhiều bạn mắc lỗi khi viết bài + Sửa lỗi phổ biến</p>	<p><b>II. Nhận xét và sửa lỗi:</b></p> <p><b>1. Nhận xét:</b></p> <p><b>a. Nhận xét cụ thể :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài điểm giỏi:</li> <li>- Bài điểm khá:</li> <li>- Bài điểm TB:</li> <li>- Bài điểm yếu:</li> </ul> <p><b>b. Nhận xét chung</b></p> <p><b>* Ưu điểm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kĩ năng:</li> <li>- Kiến thức:</li> <li>- Bố cục:</li> <li>- Về diễn đạt:</li> <li>- Từ ngữ:</li> </ul> <p><b>* Hạn chế</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kĩ năng:</li> <li>- Kiến thức:</li> <li>- Bố cục:</li> <li>- Về diễn đạt:</li> <li>- Từ ngữ:</li> </ul> <p><b>2. Sửa lỗi :</b></p>

**Nội dung 3: Thống kê điểm, đọc bài tốt biểu dương, nhắc nhở**

**a. Mục tiêu:** HS biết được kết quả đạt được của mình sau khi làm bài, và có hướng phát huy để đạt kết quả tốt hơn ở các bài viết sau.

**b. Nội dung:** Thống kê % điểm HS đạt được ở các mức độ : Giỏi – Khá – TB- Yếu

**c. Sản phẩm:** Số lượng bài ở mỗi mức độ

**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm			
<p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:</b> GV giao nhiệm vụ:</p>	<b>Thống kê điểm</b>			
	<b>Giỏi</b>	<b>Khá</b>	<b>TB</b>	<b>Yếu/kém</b>

<p>- Từ lập dàn ý , đáp án và nhận xét của GV về ưu điểm và hạn chế , em hãy tự chấm điểm cho bài viết của mình?</p> <p>- Trao đổi cùng GV đối với các bài lệch điểm giữa GV chấm và HS tự chấm</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành nhiệm vụ học tập .</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả</b></p> <p>- HS thông báo điểm của mình tự chấm</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV nhận xét, khen ngợi các HS tự chấm đúng kết quả bài viết của mình.</p> <p>- GV trả bài.</p> <p>- GV và HS cùng đối thoại để giải thích cho HS những bài lệch điểm giữa tự chấm và GV chấm.</p> <p>- GV đọc một số bài, đoạn viết tốt.</p> <p>- GV thống kê điểm</p>	
--	--

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Nhận ra ưu điểm và hạn chế, và tự sửa lỗi cho bài viết của mình.

**b. Nội dung:**

- Xem lại bài và đọc kĩ lời phê của GV.
- Tự sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, bố cục, liên kết.
- Trao đổi bài cho bạn để cùng nhau rút kinh nghiệm

**c. Sản phẩm:** Bài đã sửa

**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
<p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:</b> GV cho HS tự sửa các lỗi sai trong bài viết</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS nghe GV nêu yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ học tập .</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả</b></p> <p>-GV cho 3-5 HS đọc lại đoạn, câu... đã sửa trong bài viết của mình.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p>	<p>Bài HS đã sửa</p>

- GV nhận xét, khen ngợi biết nhận diện lỗi sai, và tự sửa được bài.

**Hoạt động 4: Vận dụng:**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào thực tiễn cuộc sống và viết văn.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học về bài luận thuyết phục để áp dụng vào viết các bài văn nghị luận

**c. Sản phẩm:** bài viết về nhà của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV-HS</b>	<b>Dự kiến sản phẩm</b>
<p><b>Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Từ vận dụng hiểu biết và cách tạo lập văn bản từ bài viết trên. Em hãy về nhà viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ quan điểm “Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi” trong bài “Ôn dịch thuốc lá” của Nguyễn Khắc Viện.</li><li>- Thời gian nộp: Giờ Văn tiếp theo.</li></ul> <p><b>2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Nghe yêu cầu.</li><li>+ Về nhà viết bài.</li></ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS nộp bài</li></ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV khen ngợi HS làm bài tập và các bài viết tốt.</li></ul>	<p>Bài viết của HS</p>

**Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng, sáng tạo**

**a. Mục tiêu:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học

**b. Nội dung:** Các bài luận thuyết phục đã sưu tầm

**c. Sản phẩm:** Các bài luận đã photo đóng thành tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV-HS</b>	<b>Dự kiến sản phẩm</b>
<p><b>Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:</b></p> <p>Đọc 1 số bài trong các bài luận thuyết phục đã sưu tầm đóng thành tập và đọc cho cả lớp nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Các đề tài khác nhau</li><li>- Cùng một đề tài nhưng các bài luận khác nhau</li></ul> <p><b>2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>GV cho 1 HS đọc.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS lắng nghe</li></ul>	<p>Tập các bài luận thuyết phục:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Các đề tài khác nhau.</li><li>+ Cùng một đề tài nhưng các bài luận khác nhau</li></ul>

<b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> Tư liệu học tập.	
--	--

**4. Dặn dò:**

- Xem lại kiến thức bài học, tập trung vào kỹ năng làm bài luận thuyết phục
- Viết bài
- Soạn bài tiếp theo



<b>Ngày soạn</b>					
<b>Cho các lớp</b>	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
<b>Ngày dạy</b>					

**NÓI VÀ NGHE: TUẦN 11;Tiết 33**

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU  
(1 Tiết)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Xác định được vấn đề cần thảo luận là về một vấn đề đời sống.
- Trình bày được diễn biến của cuộc thảo luận.
- Nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề thảo luận.
- Trình bày được ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề đời sống đã xác định.
- Biết cách thể hiện nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận.

**2. Năng lực**

<i>Năng lực chung:</i>	<i>Năng lực đặc thù</i>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- NL tự chủ và tự học: <ul style="list-style-type: none"> <li>• 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.</li> </ul> </li> <li>- NL giao tiếp, hợp tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>• 100% HS biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp</li> <li>• 80% HS biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% HS biết cách tham gia cuộc thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau (tham gia với tư cách người phát biểu ý kiến hay với tư cách người nghe – hai tư cách này thường có sự hoán vị liên tục trong cuộc thảo luận).</li> <li>- 60-70% HS biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với những người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề đời sống đã xác định.</li> </ul>

**3. Phẩm chất**

- Có thái độ tích cực trong lắng nghe, trình bày ý kiến trong cuộc thảo luận.
- Thể hiện được thái độ tán thành hay phản đối đối với những ý kiến đã được trình bày.
- Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT và các tài liệu tham khảo.
  - Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.
- Hướng dẫn HS chọn chủ đề thảo luận trước tiết học: chủ đề biến đổi môi trường, thời trang, mặc đồng phục, khởi nghiệp từ khi học THPT, các dịch vụ - sản phẩm xanh,...

## 2. Học sinh

- Đồ dùng học tập.
- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài, chuẩn bị chủ đề thảo luận trước tiết học.

## III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định tổ chức												
2. Tổ chức hoạt động												
<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b>												
<b>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</b>												
<b>1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG</b>												
- Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"><li>• Tạo tâm thế hứng thú tham gia bài học</li></ul>												
- Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Gợi tìm, giải quyết vấn đề.												
- Thời gian: 5 phút												
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV cho HS xem video <a href="https://youtu.be/1CyMFL9Qjfg">https://youtu.be/1CyMFL9Qjfg</a> (Chơi game có gì sai)	HS có những hình dung ban đầu về cách thảo luận/ đưa ra ý kiến về những vấn đề đời sống.											
<b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> HS xem video, theo dõi và bắt đầu học hỏi cách đưa ra những ý kiến khi nói về những vấn đề đời sống.												
<b>Bước 3: Báo cáo kết quả</b> - HS báo cáo kết quả												
<b>Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận</b> - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận												
<b>HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI</b>												
<b>NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI</b>												
- Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"><li>• Biết được cách tham gia cuộc thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau.</li></ul>												
- Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm.												
- Thời gian: 5 phút												
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV hướng dẫn thể loại bài nói. GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ	<b>I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI</b> <b>1. Yêu cầu của kiểu bài</b> - Xác định rõ vấn đề cần thảo luận - Bao quát được diễn biến của cuộc thảo luận - Thể hiện được thái độ trước những ý kiến được phát biểu - Nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề - Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề											
<table border="1"><thead><tr><th colspan="3">Chuẩn bị nói</th><th rowspan="2">Chuẩn bị nghe</th></tr><tr><th>Lựa chọn đề tài</th><th>Tìm ý và sắp xếp ý</th><th>Xác định từ ngữ then chốt</th></tr></thead><tbody><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></tbody></table>		Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe	Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt				
Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe									
Lựa chọn đề tài		Tìm ý và sắp xếp ý		Xác định từ ngữ then chốt								
<b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> HS lắng nghe và lưu ý để xem lại phần chuẩn bị bài nói của mình.												
<b>Bước 3: Báo cáo kết quả</b> - HS báo cáo kết quả												
<b>Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận</b> - HS khác nhận xét, bổ sung												

- GV nhận xét, kết luận

## NỘI DUNG 2: CHUẨN BỊ BÀI NÓI

- Mục tiêu:

- Soát lại được bài nói của mình trước khi đưa ra thảo luận.
- Xác nhận lại đề tài thảo luận.
- Chuẩn bị sẵn sàng tâm thế để trình bày ý kiến trước tập thể.

- Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm.

- Thời gian: 10 phút

- Sản phẩm dự kiến: bảng kiểm đánh giá thu thập từ HS.

### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV phân tích mẫu các bước tiến hành thực hành nói và nghe

### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS theo dõi và ghi chép lại phần phân tích mẫu.

### Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS báo cáo kết quả

### Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận

- HS khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, kết luận

## II. CHUẨN BỊ BÀI NÓI

### 1. Chuẩn bị nói

**a. Đề tài:** những vấn đề đa dạng của cuộc sống

**b. Không gian, thời gian**

**c. Mục đích nói:** cùng tìm ra tiếng nói chung và giải pháp hợp lý cho vấn đề đang nói

**d. Tìm ý, lập dàn ý**

- **Tìm ý và sắp xếp ý:**

+ Để cuộc thảo luận có nội dung, cần chú ý trả lời các câu hỏi theo trình tự: Vấn đề có ý nghĩa như thế nào? Đã có những ý kiến khác nhau ra sao? Nguyên nhân từ đâu? Ý kiến của tôi là gì và tôi đã dựa vào cơ sở nào để nêu ý kiến đó? Chúng ta nên thống nhất với nhau trên những điểm nào?

- **Xác định từ ngữ then chốt: quan điểm, góc độ, khía cạnh, theo tôi, tôi cho rằng,...**

- Lập dàn ý

Có thể dựa vào bảng sau:

Ý kiến của tôi	Lí do	Dẫn chứng từ thực tế hoặc sách báo
...	...	...

Nội dung thảo luận được ghi chép theo bảng:

Thứ tự trình bày	Ý kiến trình bày	Các ý kiến phản hồi

### 2. Chuẩn bị nghe

- **Lắng nghe, ghi chép ý kiến của các bạn.**

- **Chuẩn bị phản hồi theo bảng sau:**

	Vấn đề	Vấn đề	Vấn	Ý

	tôi đồng tình	tôi chưa đồng tình hoặc cần giải thích rõ hơn	đề bạn trả lời tôi	kiến của tôi sau khi nghe bạn trình bày
Ý kiến của bạn A				
Ý kiến của bạn B				
Ý kiến của bạn C				

## 2. Thực hành thảo luận

Người nói	Người nghe
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu sự hưởng ứng đối với đề tài của cuộc thảo luận.</li> <li>- Tóm tắt và đánh giá các ý kiến đã có về vấn đề; nêu cách nhìn nhận riêng của mình và làm rõ căn cứ của cách nhìn nhận đó.</li> <li>- Tóm tắt lại ý kiến của bản thân, nêu những điểm cần được đồng thuận, nhấn mạnh sự bổ ích của cuộc thảo luận,...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra ý kiến hồi đáp của mình để thúc đẩy cuộc thảo luận đạt kết quả tích cực.</li> <li>- Ghi vắn tắt vào sổ tay hay vở ghi chép những điểm cần tranh luận với người nói.</li> </ul>

## 3. Trao đổi

- Trực tiếp hoặc gián tiếp qua bảng kiểm

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

#### TRÌNH BÀY BÀI NÓI & ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM

- Mục tiêu:

- Vận dụng được những kiến thức đã được học ở phần hình thành kiến thức vào các tình huống cụ thể thông qua hệ thống các bài tập

- Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề

- Thời gian: 20 phút

<p>GV cho HS thực hành thảo luận với chủ đề đã chuẩn bị trước lớp: chủ đề được giao trong phần vận dụng của tiết đọc (Hoặc: Chủ đề đồng phục học sinh, quy định đầu tóc và trang phục, quy định ngủ trưa trong giờ bán trú,...)</p>	<p>- HS tham gia thực hành.</p>	<p><b>III. THỰC HÀNH THẢO LUẬN</b></p>
---	---------------------------------	--

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG HƯỚNG DẪN TÌM Ý, LẬP DÀN Ý BÀI THẢO LUẬN**

Ý kiến của tôi	Lí do	Dẫn chứng từ thực tế hoặc sách báo

**BẢNG GHI CHÉP NỘI DUNG THẢO LUẬN**

Thứ tự trình bày	Ý kiến trình bày	Các ý kiến phản hồi

**BẢNG CHUẨN BỊ PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI NGHE**

	Những vấn đề tôi đồng tình	Những vấn đề tôi chưa đồng tình hoặc cần giải thích rõ hơn	Những vấn đề bạn trả lời tôi	Ý kiến của tôi sau khi nghe bạn trình bày
Ý kiến của bạn A				
Ý kiến của bạn B				
Ý kiến của bạn C				

**Bảng kiểm kĩ năng thảo luận nhóm về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau**

<b>CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ</b>		<b>ĐẠT</b>	<b>CHƯA ĐẠT</b>
<b>Khi trình bày</b>	Phần trình bày rõ ràng, có lập luận thuyết phục, có dẫn chứng đầy đủ.		
	Cách nói rõ ràng, mạch lạc.		
	Đảm bảo thời gian quy định.		
<b>Khi trả lời phản hồi</b>	Có thái độ chùng mực khi tiếp nhận các ý kiến trái chiều từ các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có lập luận rõ ràng, thuyết phục khi phản hồi các ý kiến trái chiều.		
<b>Khi tham gia thảo luận</b>	Chú ý lắng nghe và ghi chép các ý kiến khác nhau của các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có ý kiến phản hồi và trao đổi nghiêm túc với các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có ngôn ngữ trao đổi khách quan, trung tính, không công kích cá nhân.		